



78 - 80 Cách Mạng Tháng Tám,
Quận 3, TP HCM

Điện thoại : (84 - 8) 9300 797

Fax : (84 - 8) 9300 798

Call Center : (84 - 8) 8365 365

Website : www.abbank.vn

Email : info@abbank.vn

SWIFT : ABBKVN VX

Báo Cáo Thường Niên 2007

ABBANK
NGÂN HÀNG AN BÌNH

Giải pháp tài chính của bạn



Nội dung

Tôn chỉ hoạt động và tầm nhìn	03
Thông điệp của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị	04
Thông điệp của Tổng Giám Đốc	08
Thông tin chung về ngân hàng	10
Sơ đồ tổ chức	12
Hội đồng quản trị	14
Ban Điều Hành	16
Ban Kiểm Soát	18
Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007	20
Các sự kiện đáng chú ý năm 2007	30
Kế hoạch kinh doanh năm 2008	32
Báo cáo tài chính	35
Mạng lưới	81



Tầm nhìn chiến lược

ABBANK đang hướng đến trở thành một ngân hàng TMCP hàng đầu Việt Nam, hoạt động đa năng theo mô hình một tập đoàn Tài chính - Ngân hàng, hoạt động chuyên nghiệp theo những thông lệ quốc tế tốt nhất với công nghệ hiện đại, đủ năng lực cạnh tranh với các ngân hàng trong nước và quốc tế hoạt động tại Việt Nam.

Tôn chỉ hoạt động

- » Phục vụ khách hàng với sản phẩm, dịch vụ an toàn, hiệu quả và linh hoạt.
- » Tăng trưởng lợi ích cho cổ đông.
- » Hướng tới sự phát triển toàn diện, bền vững của Ngân hàng.
- » Đầu tư vào yếu tố con người làm nền tảng cho sự phát triển lâu dài.



Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị



Kính thưa quý vị,

Năm 2007 là một năm đánh dấu nhiều sự kiện đáng nhớ đối với nền kinh tế đất nước. Việt Nam trải qua năm đầu tiên là thành viên chính thức của WTO. Một năm là chưa đủ để đánh giá hết, nhưng nhìn tổng quan chúng ta đã đạt được những thành quả đáng khích lệ.

Nền kinh tế Việt Nam năm 2007 có sự tăng trưởng toàn diện trong hầu hết các lĩnh vực. Theo thống kê ngày 31/12, tổng sản phẩm trong nước (GDP) ước tính tăng 8,5% so với năm 2006. Khối lượng vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện năm 2007 theo giá thực tế ước đạt 461,9 nghìn tỷ đồng, bằng 40,4% GDP và tăng 15,8% so với năm 2006. Vốn đầu tư nước ngoài đạt mức kỷ lục ở 20,3 tỷ USD, vượt xa kế hoạch 12 tỷ USD đặt ra vào đầu năm. Kinh tế Việt Nam 2007 được nhiều tổ chức uy tín đánh giá là có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực.

Về ngành tài chính – ngân hàng nói riêng, có thể nói thị trường Việt Nam sau một năm tham gia vào WTO đã có những bước tiến đáng kể. Quá trình mở cửa lĩnh vực ngân hàng cũng như các lĩnh vực khác được các nhà đầu tư nước ngoài đặc biệt quan tâm.

Ngành ngân hàng Việt Nam bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều chuyển biến trong hoạt động của khối ngân hàng thương mại. Nhiều ngân hàng cổ phần gia tăng quy mô bằng việc nâng vốn điều lệ, phát triển mạng lưới; khối ngân hàng quốc doanh đã và đang hoàn thành công tác cổ phần hóa; một số ngân hàng nước ngoài chính thức tham gia vào thị trường.





Cạnh tranh trên thị trường tài chính ngân hàng sẽ ngày một gay gắt khi thời điểm các định chế tài chính nước ngoài được đối xử quốc gia không còn xa.

Trước những cơ hội và thách thức của thị trường, với nỗ lực của toàn thể cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống, cùng sự tin tưởng và ủng hộ của cổ đông Ngân hàng, ABBANK đã đạt được những thành quả đáng ghi nhận trong năm 2007.

Tính đến thời điểm 31/12/2007, vốn điều lệ của ABBANK đạt 2.300 tỷ đồng, tổng tài sản đạt 17.174 tỷ đồng, tăng gần 06 lần so với cuối năm 2006. Tổng huy động vốn và tổng dư nợ toàn hệ thống đều đạt trên dưới 6.800 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế ABBANK đạt trên 230,76 tỷ đồng, tăng 03 lần so với cùng kỳ năm ngoái.

Với chủ trương mở rộng nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và đem lại dịch vụ tốt hơn cho khách hàng, ABBANK đã đẩy mạnh công tác phát triển mạng lưới, đưa tổng số điểm giao dịch của toàn hệ thống lên từ 14 điểm vào năm 2006 lên đến 54 điểm vào cuối năm 2007. Các điểm giao dịch mới khai trương của ABBANK trên toàn quốc đều đi vào hoạt động suôn sẻ và bước đầu đạt được những kết quả khả quan.

Song song với việc đẩy mạnh phát triển kinh doanh, năm 2007 cũng là năm ABBANK tập trung nguồn lực, đầu tư cho việc ứng dụng và nâng cao công nghệ như một công cụ của chiến lược phát triển. Dự án phần mềm

ngân hàng lõi (corebanking) T24 đã chính thức hoàn thành và đưa vào hoạt động phục vụ khách hàng từ tháng 11/2007.

Dự án thẻ của Ngân hàng cũng đã đạt được những thành công bước đầu trong phát hành thẻ ghi nợ và thẻ thanh toán, làm bước đệm cho việc phát triển thẻ tín dụng và thẻ quốc tế trong thời gian tới.

Ngoài ra, thực hiện chủ trương đề ra của Đại hội đồng cổ đông năm 2007, Hội đồng quản trị cùng Ban Điều hành cũng đã dành nhiều công sức và trí lực cho việc tìm hiểu, đánh giá và lựa chọn đối tác chiến lược nước ngoài dựa vào nhiều yếu tố, trên nhiều góc độ, nhưng tiêu chí cao nhất vẫn là khả năng giúp ABBANK về năng lực cạnh tranh trên thị trường tài chính đầy thách thức trong tương lai.

Đến nay, qua quá trình chẩn đoán tài chính, thăm viếng và thương lượng, Hội đồng quản trị và các thành viên ban đàm phán của ABBANK đã xem xét và đi đến quyết định cuối cùng là lựa chọn Maybank trở thành cổ đông chiến lược nước ngoài đầu tiên của ABBANK.

Maybank là một trong những Ngân hàng lớn nhất Malaysia và thuộc nhóm các ngân hàng hàng đầu khu vực, đứng thứ 152 do Tạp chí THE BANKER'S xếp hạng 1000 ngân hàng



lớn nhất thế giới, vốn hoá trên thị trường là 13 tỉ USD; tổng tài sản là 82 tỉ, mạng lưới 450 chi nhánh lớn nhất tại Malaysia và nhiều chi nhánh tại nước ngoài. Với hơn 40 năm kinh nghiệm quản trị ngân hàng, kỷ luật lao động cao và văn hoá doanh nghiệp hiện đại, với tính tương hợp về văn hoá phương đông, ABBANK tin tưởng việc hợp tác chiến lược với Maybank sẽ là một cơ hội tốt cho cả hai bên, chắc chắn hai định chế tài chính sẽ xây dựng được mối quan hệ bền vững, cùng đón nhận những cơ hội và thử thách trên thị trường tài chính ngân hàng tại Việt Nam.

Năm 2008, Việt Nam tiếp tục đặt mục tiêu phát triển nền kinh tế ở mức cao tuy nhiên, chúng ta cũng đang phải đối mặt với một số thách thức lớn như: có dấu hiệu của một nền kinh tế nóng, lạm phát gia tăng, vấn đề “bong bóng” trên thị trường bất động sản, tín dụng ngân hàng tăng ở mức rất cao...

Do đó, hàng loạt giải pháp sẽ được thực hiện như: điều hành chính sách tài chính kinh tế một cách linh hoạt, giảm lạm phát; tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường, cải thiện môi trường đầu tư; đẩy mạnh cải cách tổng thể nền kinh tế...

Từ góc độ ngân hàng nói riêng, chúng tôi nhận định năm 2008 sẽ là một năm đầy khó khăn

thử thách. Ngành ngân hàng là ngành phục vụ cho các ngành khác cũng như cho sự phát triển của nền kinh tế nói chung.

Trong điều kiện đó, ABBANK đặt ra những mục tiêu ưu tiên cho năm 2008: duy trì tốc độ tăng trưởng quy mô như hiện nay; tiếp tục đầu tư và khai thác lợi ích từ việc ứng dụng công nghệ cao; khai thác tối đa lợi thế từ các đối tác chiến lược trong và ngoài nước, đồng thời xây dựng mối quan hệ chiến lược với một định chế tài chính hàng đầu trong nước; cố gắng rút ngắn khoảng cách với các ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu trên thị trường Việt Nam.

Trên đà phát triển của năm 2007, Hội đồng quản trị tin tưởng rằng với sự ủng hộ của quý vị cổ đông, quý vị khách hàng kết hợp với sự nỗ lực của tập thể Ban Điều hành và toàn thể cán bộ nhân viên, chắc chắn ABBANK sẽ tiếp tục đạt được những kết quả khả quan trong năm 2008, đồng thời nâng cao thương hiệu ABBANK lên một tầm cao mới, bảo vệ và gia tăng lợi ích lâu dài của Ngân hàng và đóng góp nhiều hơn cho xã hội.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin kính chúc các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng một năm mới an khang, thịnh vượng và nhiều thành công.

Trân trọng

Vũ Văn Tiền

◀ Thông điệp của Tổng Giám Đốc



Quý vị thân mến!

Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới với dấu mốc là việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO. Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (ABBANK) cũng đánh dấu bước phát triển mạnh mẽ trở thành một trong các ngân hàng TMCP dẫn đầu thị trường trong năm 2007, điều đó đã được minh chứng.

2007 - Một năm của nhiều thành công và tăng trưởng vượt bậc

Kết thúc năm 2007, ABBANK đã về đích sớm với các chỉ tiêu tăng trưởng ấn tượng và trở thành một trong những Ngân hàng TMCP năng động nhất hiện nay.

Tính đến cuối tháng 12/2007, tổng tài sản của ABBANK đạt 17.174 tỷ đồng, tăng khoảng 452% so với cùng kỳ năm ngoái; vốn điều lệ đạt 2300 tỷ đồng, tăng 103%; tổng dư nợ đạt hơn 6.800 tỷ đồng, tăng 502%; huy động từ các tổ chức kinh tế, tín dụng và cá nhân đạt hơn 6.900 tỷ đồng, tăng 350%; lợi nhuận đạt trên 230,76 tỷ đồng, tăng hơn 172% so với cuối năm 2006.

Năm 2007 còn được ghi nhận là năm đánh dấu sự phát triển nhanh của mạng lưới hoạt động của ABBANK để phục vụ khách hàng mới và tăng thêm sự thuận tiện cho các khách hàng hiện tại. Số lượng các chi nhánh và phòng giao dịch của ABBANK đã tăng từ con số 14 vào cuối năm 2006 lên 54 vào cuối năm 2007.

Trong năm 2007, ABBANK cũng đã thu hút được nhiều nhân sự lãnh đạo cao cấp và cấp trung gian được đào tạo ở nước ngoài, có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại các ngân hàng nước ngoài và ngân hàng có uy tín khác ở Việt Nam. Số lượng CB-CNV mới của ABBANK tăng 288% so với cùng kỳ năm ngoái với trên 1000 CB-CNV, trong đó lực lượng lao động trẻ chiếm tỷ lệ cao trong ngân hàng. Các nhân viên mới đều được tuyển dụng kỹ lưỡng



theo các quy trình tuyển dụng chuẩn, sau khi tuyển dụng được tham dự các chương trình đào tạo nghiệp vụ, quy trình phục vụ khách hàng và kỹ năng giao tiếp trong thời gian thử việc. Song song với việc tuyển dụng mới, Ngân hàng cũng xem xét lại và ban hành các cơ chế lương, thưởng, phát triển lộ trình công danh có tính cạnh tranh và hấp dẫn cao trên thị trường, bảo đảm việc cán bộ và nhân viên Ngân hàng hài lòng và yên tâm để cống hiến và gắn bó với sự phát triển của ngân hàng.

Năm 2007 cũng là năm đánh dấu sự phát triển của ABBANK trong việc liên kết với các đối tác để đạt tới sự thỏa thuận hợp tác lâu dài như: Công ty Điện lực 1 (PC1), Công ty Điện lực 2 (PC2), Công ty Điện lực 3 (PC3), Công ty Điện lực Hà Nội, Công ty Điện lực TP.HCM, Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam, Công ty cổ phần Công nghệ và đầu tư Bách Việt (BTI), ...Đồng thời, ABBANK còn không ngừng liên kết với các đối tác là các Công ty Bất động sản và các Doanh nghiệp uy tín để chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm – dịch vụ cung ứng cho các khách hàng.

Đặc biệt, năm 2007 ABBANK đã đưa vào áp dụng hệ thống phần mềm lõi quản lý hiện đại Core Banking T24, triển khai phát triển hệ thống quản lý, chuyển mạch thẻ thanh toán và thẻ tín dụng, kết nối với cơ sở dữ liệu khách hàng của Tập đoàn Điện lực và công ty viễn thông Điện lực để đưa vào áp dụng đại trà việc thanh toán tiền điện và cước viễn thông điện lực tại các điểm giao dịch của ABBANK.

Chiến lược thực hiện trong năm 2008

- Phát triển các nhóm khách hàng mới, tập trung vào doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động xuất nhập khẩu và khách hàng cá nhân.
- Tiếp tục đưa ra các sản phẩm đa dạng, trọn gói, có tính cạnh tranh và hàm lượng công nghệ cao.

- Lấy nhu cầu và sự hài lòng của khách hàng là trọng tâm của mọi mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức. Bảo đảm chất lượng phục vụ tốt và đồng nhất trên nền tảng công nghệ, quy trình chuẩn, và sự chuyên nghiệp của nhân viên.
- Truyền thông, quảng bá hình ảnh, thương hiệu ABBANK để tăng độ nhận biết và khẳng định thương hiệu ABBANK.
- Hoàn thiện thể chế và mô hình tổ chức, khai thác tối đa tính hiệu quả và chuyên nghiệp từ mô hình quản lý tập trung theo ngành dọc về khối kinh doanh nghiệp vụ và các trung tâm hỗ trợ (marketing, nhân sự, công nghệ thông tin, kế toán, phát triển mạng lưới...) kết hợp với quản lý chiều ngang về phát triển khách hàng và mạng lưới theo khu vực và địa bàn.

Thay mặt Ban điều hành Ngân hàng thương mại cổ phần An Bình (ABBANK), tôi xin chân thành cảm ơn sự chỉ đạo và hỗ trợ của Hội đồng Quản trị, cảm ơn sự hợp tác nhiệt tình của các cổ đông, cảm ơn toàn thể cán bộ công nhân viên trong hệ thống ABBANK đã nỗ lực làm việc trong năm vừa qua.

Tôi tin tưởng rằng với sự ủng hộ nhiệt tình, sự tín nhiệm của quý vị khách hàng và các cổ đông, ABBANK sẽ phát triển mạnh mẽ và vững chắc đóng góp vào sự phát triển chung của ngành tài chính ngân hàng Việt nam, vào thành công của các quý vị khách hàng và quý vị cổ đông, và vào sự phát triển của riêng ngân hàng.

Trân trọng

Lưu Đức Khánh
Tổng giám đốc ABBANK

◀ Thông tin chung về ngân hàng



Ngân hàng An Bình (ABBANK), một trong các ngân hàng cổ phần hàng đầu và là một trong mười ngân hàng có vốn điều lệ lớn nhất Việt nam. Sau hơn 13 năm phát triển và trưởng thành từ năm 1993, ABBANK đã có sự bứt phá mạnh mẽ về lượng và chất trong 3 năm gần đây, với một số điểm nhấn rất ấn tượng như việc Tập đoàn Điện lực Việt nam (EVN) đã tham gia làm cổ đông chiến lược của ABBANK với tỉ lệ góp vốn điều lệ là 30% vào năm 2005;

ABBANK và công ty chứng khoán An Bình (ABS) phát hành thành công 2000 tỷ trái phiếu bản tệ cho EVN trong năm 2006; ABBANK được tạp chí Asia Money 01.2007 bình chọn là “Nhà phát hành trái phiếu công ty bản tệ tốt nhất châu Á năm 2006”; ABBANK được nhận giải thưởng Quả cầu vàng – the Best Banker do Ban Tổ chức Hội chợ Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm Banking Expo 2007 trao cho ngân hàng “*phát triển nhanh các sản phẩm dịch vụ công nghệ cao*”.

Với vốn điều lệ 2.300 tỉ đồng, mạng lưới 54 điểm giao dịch tại 20 tỉnh thành trên toàn quốc vào cuối năm 2007, ABBANK đang phục vụ hàng ngàn khách hàng doanh nghiệp và hàng vạn khách hàng cá nhân. Tổng tài sản, doanh thu và lợi nhuận của ABBANK đã tăng trưởng liên tục hơn 300% hàng năm trong hai năm gần đây.

Các nhóm khách hàng mục tiêu hiện nay của ABBANK bao gồm nhóm khách hàng doanh



ngiệp, nhóm khách hàng cá nhân và nhóm khách hàng đầu tư. Đối với khách hàng Doanh nghiệp, ABBANK sẽ cung ứng sản phẩm – dịch vụ tài chính ngân hàng trọn gói như: sản phẩm cho vay, sản phẩm bao thanh toán, sản phẩm bảo lãnh, sản phẩm tài trợ xuất nhập khẩu, sản phẩm tài khoản, dịch vụ thanh toán quốc tế...

Đối với các khách hàng cá nhân, ABBANK cung cấp nhanh chóng và đầy đủ chuỗi sản phẩm tín dụng tiêu dùng và các sản phẩm tiết kiệm linh hoạt.

Ví dụ: Cho vay trả góp mua nhà, đất, xây sửa nhà, cho vay trả góp mua nhà, đất 30 năm và có bảo hiểm nhân thọ cho người vay; cho vay trả góp mua ô tô, cho vay tiêu dùng tín chấp, cho vay sản xuất kinh doanh trả góp, cho vay bổ sung vốn lưu động, cho vay tiêu dùng thế chấp linh hoạt,... Các sản phẩm tiết kiệm YOUsaving:

tiết kiệm theo thời gian thực gửi, tiết kiệm bậc thang,... và các dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong và ngoài nước...

Với các khách hàng đầu tư, ABBANK thực hiện các dịch vụ ủy thác và tư vấn đầu tư cho các khách hàng công ty và cá nhân. Riêng với các khách hàng công ty, ABBANK cũng cung cấp thêm các dịch vụ tư vấn tài chính, tư vấn phát hành và bảo lãnh phát hành trái phiếu, đại lý thanh toán cho các đợt phát hành trái phiếu.

Định vị và sự khác biệt của ABBANK với các ngân hàng khác là việc cung ứng các giải pháp tài chính linh hoạt, hiệu quả và an toàn với dịch vụ thân thiện, lấy nhu cầu và sự hài lòng của khách hàng là trọng tâm của mọi mô hình kinh doanh và cơ cấu tổ chức; bảo đảm chất lượng phục vụ tốt và đồng nhất trên nền tảng công nghệ, quy trình chuẩn, và sự chuyên nghiệp của nhân viên.

Sơ đồ tổ chức





Ban lãnh đạo ABBANK

Hội đồng quản trị



Ông Vũ Văn Tiền

Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1959

Cử nhân kinh tế - Đại học kinh tế Quốc dân

Kỹ sư - Học viện kỹ thuật Quân sự

Ông Tiền là một trong các doanh nhân thành công và có uy tín nhất tại Việt Nam. Ông Tiền đã được Nhà nước và Chính phủ tặng thưởng nhiều huy chương cho các đóng góp vào sự phát triển kinh tế của đất nước.

- + Huân chương lao động hạng III.
- + Huy chương Vì thế hệ trẻ.
- + Bằng khen của Thủ tướng chính phủ.
- + Bằng khen của UBND thành phố Hà Nội.
- + Giải thưởng Sao đỏ.

Ngoài cương vị là chủ tịch Hội đồng Quản trị của ABBANK, hiện nay ông Vũ Văn Tiền đồng thời cũng giữ các cương vị lãnh đạo cao cấp sau:

- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội.
- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long
- + Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần An Hoà.



Ông Nguyễn Hùng Mạnh
Phó Chủ tịch thường trực
HĐQT

Sinh năm 1957
Cao học kinh tế - Đại học Ohio
(Mỹ)
Cử nhân - Đại học Ngoại ngữ
Hà Nội

Ông Mạnh đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong các ngành dầu khí và thương mại trước khi tham gia ngành tài chính ngân hàng của Việt nam vào giữa những năm 1990. Ông Mạnh tham gia vào việc điều hành ABBANK vào năm 2001 và là một trong các thành viên chủ chốt đã đưa ABBANK trở thành một ngân hàng thành công như ngày hôm nay.

Ông Đào Văn Hưng
Phó Chủ tịch HĐQT

Sinh năm 1955.
Thạc sĩ Kinh tế - Đại học Bách khoa Hà Nội

Ông Hưng đã có hơn 30 năm công tác trong ngành điện và đã nắm giữ nhiều cương vị chủ chốt của Tập đoàn Điện lực.

Hiện nay ông Hưng là Chủ tịch của Tập đoàn Điện lực EVN.

Ông Dương Quang Thành
Thành viên HĐQT

Sinh năm 1962
Tiến sĩ Kinh tế - Đại học Bách khoa Hà Nội.
Thạc sĩ Học viện Công nghệ Châu Á (AIT), Bangkok, Thái Lan

Ông Thành đã có hơn 20 năm công tác trong ngành điện và giữ các vị trí chủ chốt trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Hiện nay ông Thành là Phó Tổng Giám đốc của Tập đoàn Điện lực EVN.

Ban Điều Hành



Ông Lưu Đức Khánh Tổng Giám đốc

Sinh năm 1960.

Cử nhân đại học Lvov (Ukraina),
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
(MBA) đại học New South
Wales, Úc.

Ông Khánh đã có hơn 15 năm
kinh nghiệm hoạt động trong
ngành tài chính ngân hàng của
Việt nam trong đó có 12 năm
làm tại ngân hàng HSBC.

Ông Nguyễn Công Cảnh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán và Kiểm soát nội bộ

Sinh năm 1958

Cử nhân Đại học Kinh tế

Ông Cảnh đã có hơn 20 năm
kinh nghiệm làm việc trong
ngành tài chính ngân hàng với
ngân hàng Nông nghiệp.

Bà Trần Thanh Hoa Phó Tổng Giám đốc, Tín dụng và Quản lý Rủi ro

Sinh năm 1963.

Thạc sĩ Kinh tế - Tài chính Ngân
Hàng

Bà Hoa đã có hơn 20 năm kinh
nghiệm làm việc trong ngành
tài chính ngân hàng với ngân
hàng Vietcombank.



Ông Bùi Trung Kiên

Phó Tổng Giám đốc, tham mưu cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Sinh năm 1973

Cử nhân Kinh tế (Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội), cử nhân Ngoại ngữ (Đại học Mở Hà Nội), cử nhân Luật (Viện Đại học Mở Hà Nội), Thạc sĩ Quản lý chính sách công (Đại học Quốc gia Singapore).

Ông Kiên đã có nhiều năm kinh nghiệm hoạt động trong ngành tài chính ngân hàng của Việt Nam, trong đó có 11 năm làm việc tại ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai

Phó Tổng Giám đốc, Phát triển khách hàng của Tập đoàn Điện lực Việt Nam, chỉ đạo trực tiếp Phòng phát triển mạng lưới khu vực Miền Bắc và Miền Trung, quản lý hành chính khu vực Miền Bắc.

Sinh năm 1974.

Kỹ sư Kinh tế năng lượng, Trường Đại học Bách khoa Hà nội.

Thạc sĩ Kinh tế Năng lượng, Học Viện Công nghệ Châu Á.

Tiến sỹ kinh tế, Đại học Kwansai Gakuin, Nhật bản.

Bà Mai đã có 12 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính doanh nghiệp, tài chính dự án thuộc tập đoàn điện lực EVN

Ông Phạm Quốc Thanh

Phó Tổng Giám đốc, Khối Khách hàng doanh nghiệp

Sinh năm 1970.

Cử nhân Đại học Ngân hàng, cử nhân Đại học Ngoại ngữ, cử nhân học viện tài chính quốc tế IFS School of Finance, Anh.

Ông Thanh đã có hơn 15 năm kinh nghiệm làm việc trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có 10 năm làm việc tại ngân hàng HSBC.

Ban Kiểm Soát



Ông Hoàng Kim Thuận Trưởng ban kiểm soát

Sinh năm 1958

Cử nhân Đại học Tài Chính Kế toán Hà Nội

Các chứng chỉ Quản lý Kinh tế cao cấp, Thị trường chứng khoán và đổi mới Doanh nghiệp.

Hiện nay ông Thuận cũng đang giữ các chức vụ sau:

- + Phó Tổng Giám đốc công ty cổ phần xây dựng 14.
- + Chủ tịch HĐQT công ty cổ phần bê tông Rạch Chiếc.

Ông Đào Mạnh Kháng Thành viên

Sinh năm 1969

Cao học Quản trị Kinh doanh - Đại học thương mại

Ông Đào Mạnh Kháng hiện cũng đang giữ các chức vụ sau:

- + Phó Tổng giám đốc Công ty xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội
- + Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Hồng Hà


Ông Võ Hồng Lĩnh Thành viên

Sinh năm 1968


Cử nhân kinh tế - Đại học Bách khoa Đà Nẵng.

Ông Võ Hồng Lĩnh đã từng giữ các vị trí quan trọng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Hiện nay ông Lĩnh cũng đang giữ chức vụ là Phó ban tài chính Tập đoàn Điện lực Việt nam.



Kết quả hoạt động
kinh doanh năm 2007



Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2007

Năm 2007 là năm phát triển vượt bậc của ABBANK về tất cả các chỉ tiêu. Lợi nhuận trước thuế năm 2007 của ABBANK đạt 230,76 tỷ tăng 172% so với năm 2006. Tổng tài sản của ABBANK đã tăng trưởng đáng kể với tỉ lệ tăng trưởng là 452%, đạt mức 17.174,117 tỷ. Kết quả này sẽ là tiền đề cho sự phát triển toàn diện của ABBANK trong năm 2008 và các năm tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG HUY ĐỘNG VỐN

Trong năm 2007, tổng huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư của ABBANK đã tăng 350% đạt 6.981 tỷ đồng trong đó huy động từ các tổ chức kinh tế chiếm 72% và từ dân cư chiếm 28%.

Hoạt động huy động vốn từ các tổ chức kinh tế là một trong các hoạt động khởi sắc nhất của ABBANK trong năm 2007 đạt 5.501 tỷ tăng 323%. Huy động vốn từ các hộ dân cư tăng 487% đạt 1.480 tỷ.

Mức tăng trưởng huy động này có được do ABBANK đã mở rộng mạng lưới với 54 điểm giao dịch mới trong năm, việc điều chỉnh lãi suất linh hoạt phù hợp với các thay đổi của thị trường, và việc tăng cường các hoạt động quảng cáo, truyền thông và khuyến mãi.

HOẠT ĐỘNG TÍN DỤNG

Năm 2007 đánh dấu sự tăng trưởng lớn trong hoạt động tín dụng của ABBANK, đóng góp phần quan trọng vào việc tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận.

Năm 2007 là năm thứ 3 liên tiếp ABBANK tăng trưởng tín dụng trên cơ sở áp dụng đầy đủ các thông lệ và chuẩn mực quốc tế và của Ngân hàng Nhà nước Việt nam về an toàn tín dụng và phân loại nợ trong hoạt động tín dụng của mình.

ABBANK rất chú trọng việc lựa chọn khách hàng và áp dụng các quy trình thẩm định và tái thẩm định chặt chẽ để giảm thiểu các khoản nợ xấu. Tổng dư nợ tín dụng, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 tăng 502% đạt 6.858 tỷ trong đó khách hàng doanh nghiệp chiếm 61,4% và khách hàng cá nhân chiếm 38,6%.

Xét về thời hạn vay, năm 2007 tổng dư nợ ngắn hạn chiếm 50% tổng dư nợ tín dụng, dư nợ cho vay trung hạn chiếm 29% và dài hạn chiếm 21%.

Phân bổ theo nhóm khách hàng, doanh số phát vay cho đối tượng được phân chia như sau: (1) Nông, lâm thủy sản chiếm 0,68%, (2) Khai thác và xây dựng chiếm 6,62%, (3) Sản xuất, chế biến chiếm 12,15%, (4) Thương mại, dịch vụ chiếm 43,45%, (5) Đầu tư, góp vốn CP chiếm 2,20%, (6) Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng (tiêu dùng, mua nhà, xe, chữa bệnh, du học, buôn bán nhỏ lẻ...) chiếm 34,9%

HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ

Năm 2007, hoạt động TTQT của ABBANK đã phát triển đầy ấn tượng với các thành tựu sau: triển khai được tất cả các sản phẩm TTQT trên toàn hệ thống, phát triển hệ thống ngân hàng đại lý với trên 2,000 ngân hàng tại hơn 70 quốc gia, doanh số TTQT: hàng xuất khẩu, nhập khẩu đạt 150 triệu USD, xử lý tập trung hoạt động TTQT theo mô hình Ngân hàng hiện đại, thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế theo chuẩn của SWIFT, đạt độ chính xác và an toàn cao.

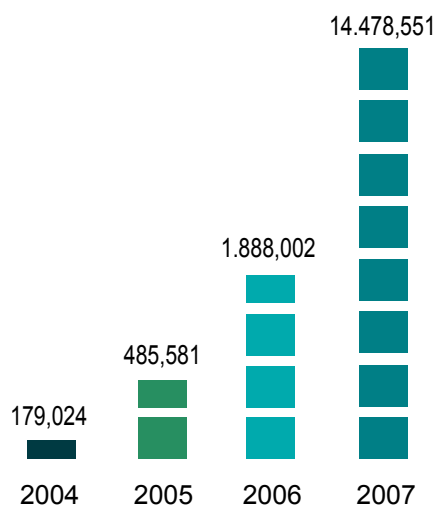
ABBANK hân hạnh được nhận giải “Ngân hàng thanh toán quốc tế xuất sắc 2007” do Wachoviabank – một trong bốn ngân hàng lớn nhất của Mỹ trao tặng. Giải thưởng đã khẳng định được vị thế của ABBANK trên thị trường trong nước và thị trường thế giới.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

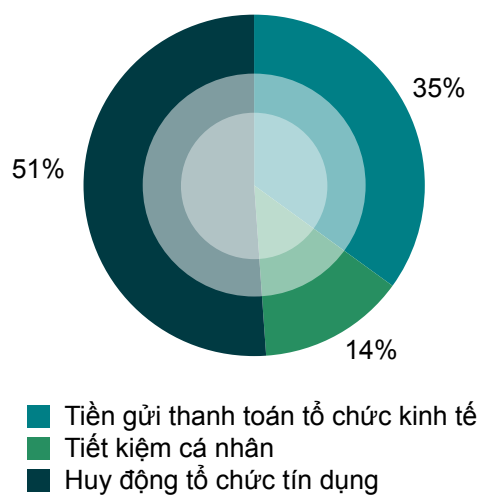
Năm 2007 đánh dấu những nỗ lực to lớn trong hoạt động Đầu tư Tài chính của ABBANK. Chiến lược đầu tư ABBANK lựa chọn là an toàn, hiệu quả, đa dạng và linh hoạt. Trong hoạt động đầu tư dài hạn, Ngân hàng đang góp vốn thành lập các công ty/tổ chức tài chính như: Công ty cổ phần EVN-Campuchia, Công ty cổ phần dịch vụ thẻ Smartlink, Công ty cổ phần tài chính điện lực,...với tổng vốn đầu tư đã thực hiện là hơn 70 tỷ đồng. Thực hiện chiến lược phát triển danh mục đầu tư bền vững thông qua các khoản đầu tư tài chính dài hạn, ABBANK hướng tới một chiến lược đầu tư vào các công ty hoạt động trong các ngành kinh tế trọng điểm của đất nước như điện lực, phát triển cơ sở hạ tầng... Song song với hoạt động góp vốn thành lập mới, ABBANK đầu tư đang nắm giữ cổ phần của các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn, uy tín, có tiềm năng tăng trưởng cao như: Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội, Công ty cổ phần mạng thanh toán Paynet, Công ty cổ phần Tập đoàn công nghệ CMC.

Đồng hành với các mục tiêu tăng trưởng khác, kế hoạch lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính cho năm 2008 đang kỳ vọng gấp hai lần số tuyệt đối đã đạt được trong năm 2007

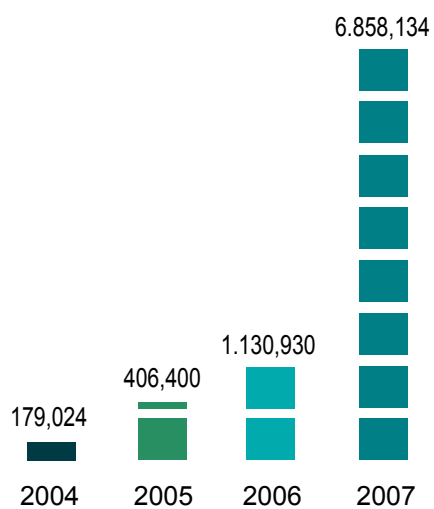
TĂNG TRƯỞNG NGUỒN VỐN (TỈ ĐỒNG)



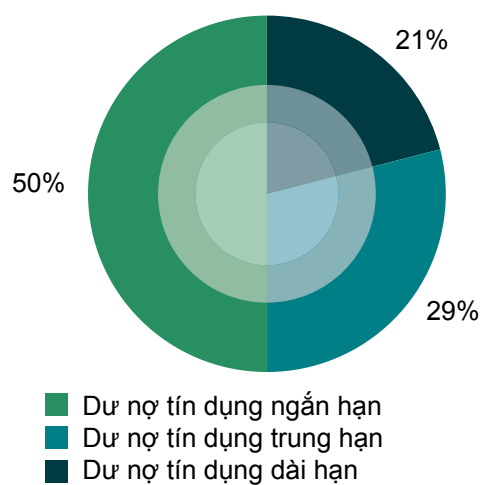
CƠ CẤU NGUỒN VỐN

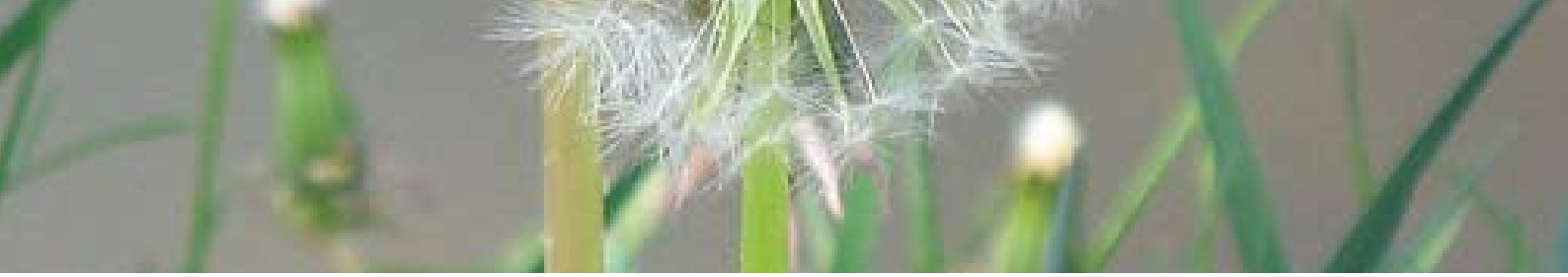


TỔNG DƯ NỢ TÍN DỤNG

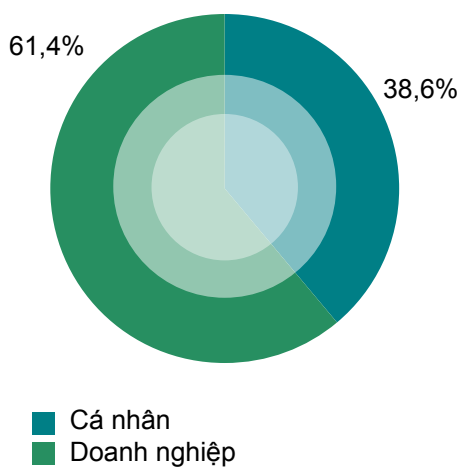


DƯ NỢ TÍN DỤNG THEO KỶ HẠN

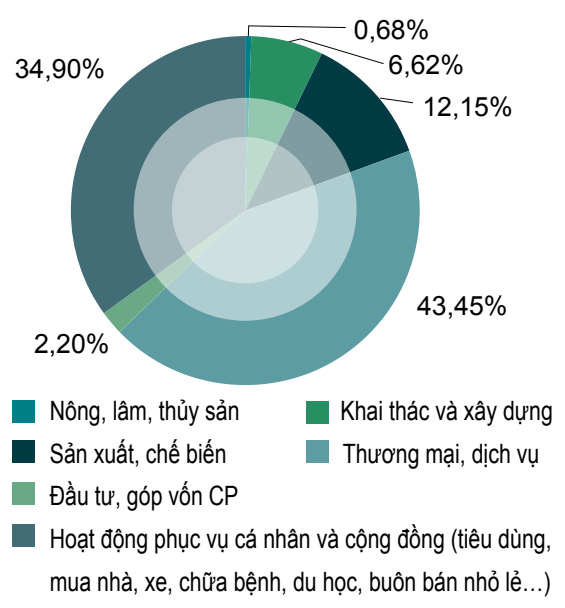




DƯ NỢ TÍN DỤNG THEO ĐỐI TƯỢNG VAY



TÍN DỤNG THEO NGÀNH



CÔNG TÁC PHÁT HÀNH THẺ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG CHẤP NHẬN THẺ

Trong năm 2007, ABBANK chính thức tham gia thị trường thẻ Việt Nam bằng việc cho ra mắt **Thẻ ghi nợ nội địa YOUcard**. YOUcard ra đời được khách hàng và giới chuyên môn đánh giá cao trên cơ sở mạng lưới ATM/ POS chấp nhận thẻ rộng khắp trên toàn quốc. Để có thành công này cùng với việc hoàn thiện Hệ thống phát hành thẻ thanh toán riêng, ABBANK đã nỗ lực tham gia và kết nối thành công với các Tổ chức thẻ lớn trong nước: Mạng SmartLink, BanknetVN và Paynet, đưa số Điểm chấp nhận thẻ YOUcard lên đến 5.000 ATM và 10.000 POS trên toàn lãnh thổ Việt Nam.

Năm 2008, ABBANK sẽ tiến hành tham gia các Tổ chức Thẻ quốc tế như VISA, MasterCard ... cũng như nghiên cứu các ứng dụng và công nghệ tiên tiến để phát triển Dịch vụ Internet Banking và Mobile Banking áp dụng với thẻ YOUcard nhằm mở rộng phạm vi sử dụng thẻ ra quy mô quốc tế, đồng thời mở rộng mạng lưới ATM từ 16 điểm lên 50 điểm trên toàn quốc. Dự kiến sẽ phát hành 100.000 thẻ trong năm 2008, tập trung vào các khách hàng mục tiêu như Tập đoàn EVN và các Công ty thành viên, các Cổ đông, khách hàng Doanh nghiệp có quan hệ Tín dụng và Tiền gửi với Ngân hàng và các khách hàng cá nhân tại ABBANK.

HOẠT ĐỘNG TRÊN THỊ TRƯỜNG LIÊN NGÂN HÀNG

Với các hoạt động giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, ABBANK là một thành viên mới nhưng rất năng động. Kết quả đến cuối năm 2007, cho vay của ABBANK với các tổ chức tín dụng khác đã tăng 267% đạt 5.643 tỷ. Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh chứng khoán và đầu tư chứng khoán tăng 975% đạt 3.695 tỷ.

QUẢN LÝ RỦI RO

ABBANK xem hoạt động quản trị rủi ro là một trong các công tác có tầm quan trọng hàng đầu nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh tại từng chi nhánh và trong toàn hệ thống.

Quản trị rủi ro tín dụng

Trong năm 2007, ABBANK đã xây dựng và thực hiện nhất quán trong toàn hệ thống một hệ thống quản trị rủi ro tín dụng với các tiêu chuẩn rất cao, đóng vai trò là cơ sở nâng cao chất lượng của công tác đánh giá, thẩm định và giám sát tín dụng trong toàn hệ thống. Mỗi khoản vay, tùy quy mô và mức độ rủi ro, sẽ được phê duyệt bởi Hội đồng tín dụng, Ban tín dụng, hoặc các chuyên viên tín dụng hoạt động độc lập với các đơn vị kinh doanh. Nhờ vậy, ABBANK đã giảm đáng kể tỉ lệ nợ xấu / dư nợ cho vay xuống 1,52% . Phần lớn các khoản nợ quá hạn đều có khả năng thu hồi là do được đảm bảo bằng tài sản có tính khả mại cao, chủ yếu là bất động sản.

Quản trị rủi ro thị trường

Trong năm 2007, ABBANK tiếp tục áp dụng các mô hình quản trị rủi ro thị trường hiện đại và mới nhất bao gồm các hệ thống theo dõi và kiểm soát thanh khoản, rủi ro lãi suất và rủi ro ngoại hối. ABBANK đã thay đổi lãi suất kịp thời và linh hoạt với các thay đổi thị trường trong các biên độ hợp lý và giới hạn cho phép. Chính vì vậy, trong thời gian qua, mặc dù lãi suất huy động liên tục tăng nhưng ngân hàng vẫn có một tỷ lệ lãi suất biên hiệu quả.

Công tác thiết lập báo cáo thanh khoản được thực hiện định kỳ đã giúp cho ban lãnh đạo và bộ phận nguồn vốn có biện pháp phòng ngừa và hạn chế rủi ro thích hợp và kịp thời, chi phí thấp nhất và hiệu quả cao nhất.

Các rủi ro vận hành

ABBANK đã rất chú trọng đến việc kiểm soát các rủi ro vận hành vì hoạt động của Ngân hàng đã tăng lên với việc đưa vào áp dụng nhiều sản phẩm và dịch vụ mới và đa dạng. ABBANK đã thành lập ban kiểm soát nội bộ ngay tại từng PGD và chi nhánh để kiểm tra các hoạt động tín dụng, kế toán, kho quỹ, mua bán ngoại tệ, nhân sự, phong cách làm việc,...

HỢP TÁC CHIẾN LƯỢC

Hợp tác với ABS

ABBANK là một trong các cổ đông thành lập của công ty chứng khoán An Bình (ABS). Trong năm 2006, ABBANK đã góp vốn 5 tỉ đồng vào ABS, cung ứng khoản tín dụng 150 tỉ đồng và mở 3 điểm giao dịch chung, nơi các khách hàng của ABS được nhân viên của ABBANK cung cấp dịch vụ thu chi tiền giao dịch chứng khoán và các hoạt động thanh toán khác. Mô hình phục vụ chung ABBANK-ABS đã được khách hàng đánh giá cao và khen ngợi vì thuận tiện và thời gian phục vụ nhanh.

Hợp tác với EVN

Đằng sau sự phát triển ngoạn mục của ABBANK trong năm 2007 là sự hỗ trợ về mọi mặt của đối tác chiến lược - Tập đoàn Điện lực Việt Nam - EVN. Việc khai thác tiềm năng to lớn của EVN đã đem lại cho ABBANK những thành công đáng kể trong mọi lĩnh vực:

- Đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ tài khoản, quản lý nguồn tiền, dịch vụ cho vay, tài trợ EVN, các công ty thành viên, nhà thầu và các nhà cung cấp sản phẩm dịch vụ của EVN. Dư nợ khối khách hàng EVN đã gần 1.500 tỷ VND, Nguồn tiền huy động từ EVN đạt gần 5.000 tỷ VND, Thanh toán quốc tế đạt gần 70 triệu USD....
- Trong năm 2007, song song với việc phát triển mạnh mạng lưới hoạt động trên toàn quốc lên hơn 54 chi nhánh/phòng giao dịch tại phần lớn các tỉnh thành trên toàn quốc nhằm đáp ứng cao nhất nhu cầu của khối khách hàng EVN, ABBANK ký thoả thuận hợp tác toàn diện với các công ty thành viên của Tập đoàn điện lực Việt Nam, cụ thể: Tháng 4/2007 ký kết với Công ty Điện lực Hà Nội; Tháng 5/2007 ký kết với Công ty Điện lực 2; Tháng 7/2007 ký kết với Công ty Điện lực 1; Tháng 8/2007 ký kết với Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh, Công ty Điện lực 3 và sắp tới là các Công ty điện lực thành viên khác.
- Năm 2007, ABBANK đang tiến hành các bước cần thiết để hoàn tất thủ tục bảo lãnh phát hành trái phiếu cho EVN Telecom, và tiếp đến là các thành viên khác của EVN.
- Năm 2007 ABBANK đã bước đầu triển khai hoạt động thu hộ tiền điện, cước dịch vụ viễn thông và sản phẩm tài khoản thanh toán cho các đơn vị thành viên của Tập đoàn Điện lực Việt Nam: Công ty thông tin viễn thông Điện lực – EVN Telecom; Công ty Điện lực 1; Công ty Điện lực 2; Công ty Điện lực 3; Công ty Điện lực Hà Nội; Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh.
- Hiện tại ABBANK đã ký kết HĐ hợp tác xây dựng cổng thanh toán hóa đơn và phát hành thẻ đồng thương hiệu với EVN Telecom; Ký kết HĐ thanh toán hóa đơn tiền điện với công ty Điện lực Hà Nội; Dự án thanh toán hóa đơn của EVN (phối hợp với EVN IT và các PC):

- + Hoàn thành thử nghiệm kết nối với hệ thống EVN để thanh toán tiền điện tại quầy (Webclient).
- + Hoàn thành kết nối hệ thống với EVN để thanh toán hóa đơn của EVN bằng thẻ tại ATM và POS.
- + Triển khai thanh toán thí điểm tiền điện qua POS tại 7 quận Huyện của Điện lực Hà nội.

Xác định rõ mục tiêu chiến lược là phát huy tối đa khối khách hàng tiềm năng từ EVN, ABBANK đã hình thành và hoàn thiện một đội ngũ nhân sự chuyên trách đồng thời xây dựng những bộ sản phẩm tài chính ngân hàng chuyên biệt với những ưu đãi đáng kể cho khối khách hàng này, trong đó có thể kể tới sản phẩm nhà thầu điện lực, sản phẩm về quản lý và thanh toán vốn xây dựng cơ bản,...

Hợp tác với Agribank

Ngày 15/03/2007, ABBANK đã ký Thỏa thuận hợp tác toàn diện với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (**Agribank**).

Agribank là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam, có năng lực tài chính và khả năng phát triển mạnh, mạng lưới chi nhánh rộng khắp cả nước. Việc mở rộng hợp tác, tăng cường hơn nữa mối quan hệ hợp tác với **Agribank** sẽ là lợi thế rất lớn và quan trọng đối với ABBANK trong lộ trình phát triển và cạnh tranh với các định chế tài chính khác.

PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

Nhằm nâng cao khả năng phục vụ khách hàng, trong năm 2007, ABBANK đã đưa vào hoạt động thêm 40 điểm giao dịch. Như vậy tính đến cuối năm 2007, toàn hệ thống ABBANK có 54 chi nhánh và PGD, trải dài rộng khắp trên 20 tỉnh thành trên toàn quốc.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Để đáp ứng đòi hỏi về tăng trưởng và phát triển của ABBANK, cùng với nhận thức nguồn nhân lực chính là tài sản quý nhất của Ngân hàng, ABBANK đã có những chiến lược và quy trình chuẩn và rõ ràng trong việc tuyển dụng, đào tạo các cán bộ quản lý và nhân viên mới.

Tuyển dụng:

Với các cán bộ quản lý trung cấp và sơ cấp, ABBANK tập trung việc tuyển dụng các ứng cử viên đã có kinh nghiệm từ các ngân hàng khác và các nhân sự đã tốt nghiệp sau đại học từ nước ngoài. Với nhân viên, ABBANK đã tuyển dụng một số lượng lớn nhân sự từ các trường Đại học, Cao đẳng thuộc khối ngành Kinh tế. Các nhân viên mới đều được tuyển dụng kỹ lưỡng theo các quy trình tuyển dụng chuẩn, sau khi tuyển dụng được tham dự các chương trình đào tạo nghiệp vụ, quy trình phục vụ khách hàng và kỹ năng giao tiếp trong thời gian thử việc.

Kết quả đạt được trong năm 2007, nguồn nhân lực của ABBANK đã tăng lên cả về chất lượng và số lượng. Tính đến ngày 31/12/2007, tổng số nhân viên của ABBANK là 1.123 người.

Về cơ cấu lao động theo trình độ như sau:

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ (%)
- Sau đại học:	20 người	2%
- Đại học:	805 người	72%
- Cao đẳng, trung cấp...	188 người	17%
- Phổ thông	110 người	9%

Các hoạt động đào tạo nguồn nhân lực:

ABBANK khuyến khích cán bộ, nhân viên của mình nâng cao trình độ nghiệp vụ để tăng tính sáng tạo và tự chủ trong công việc. Trong năm 2007, có 80% tổng số cán bộ, nhân viên của ABBANK đã tham dự các khoá đào tạo nghiệp vụ ngắn, trung và dài hạn về các lĩnh vực khác nhau trong hoạt động Ngân hàng. Ngoài ra, chúng tôi cũng đã cử một số cán bộ, nhân viên tham gia các khoá hội thảo, tập huấn tại nước ngoài nhằm cập nhật kiến thức, học tập kinh nghiệm thực tiễn.


Về môi trường làm việc và chế độ đãi ngộ

- Ban lãnh đạo ngân hàng đã tuyên bố một hệ thống văn hóa công ty mới đòi hỏi tất cả cán bộ và nhân viên của ngân hàng tập trung vào việc thỏa mãn nhu cầu và sự hài lòng của khách hàng và thực thi các công việc của mình với sự minh bạch, sáng tạo và trách nhiệm cao. Trao đổi và làm việc theo nhóm được khuyến khích và nhìn nhận như là các công cụ để tạo ra các dịch vụ chất lượng cao và một ngân hàng luôn học hỏi và đổi mới.
- Ban lãnh đạo ngân hàng hiểu rõ được sự gắn kết giữa hiệu quả làm việc với chính sách và hệ thống đãi ngộ đối với nhân viên. Vì vậy ngoài việc áp dụng các quy định hiện hành, ABBANK áp dụng các khoản thu nhập thưởng cho các chi nhánh và nhân viên ngân hàng có thành tích xuất sắc trong việc tăng năng suất lao động và doanh thu hoặc giảm chi phí. Cơ hội thăng tiến cũng được áp dụng như các đãi ngộ với các cán bộ, nhân viên có cống hiến đáng kể và hiệu quả cho sự phát triển của ngân hàng.

CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

- Nhận thức được trách nhiệm với cộng đồng, ABBANK đã tham gia vào nhiều hoạt động xã hội ủng hộ đồng bào trên cả nước bị thiên tai, bão lụt. Trong năm 2007, ngân hàng đã lập Quỹ "Tài khoản tương lai" giúp các em nghèo, học giỏi có đủ khả năng tiếp tục con đường học vấn đến hết lớp 12.





Các sự kiện
đáng chú ý năm 2007

Các sự kiện đáng chú ý năm 2007



Tháng 1/2007

- ABBANK được Tạp chí Asia Money số tháng 1/2007 bình chọn là “Nhà phát hành trái phiếu công ty bản tệ tốt nhất châu Á”

Tháng 2/2007

- Đại hội đồng cổ đông ABBANK
- Khai trương PGD Hùng Vương tại 195 Hùng Vương, Q.Hải Châu TP. Đà Nẵng

Tháng 3/2007

- Khai trương PGD Đa Kao tại 47 Điện Biên Phủ, P. Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
- Khai trương PGD Phú Mỹ Hưng tại 1441 Mỹ Toàn 2, Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong, Quận 7, TP. HCM
- Ngày 15/03/2007 ABBANK và Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược toàn diện
- Ngày 28/03/2007 ABBANK và Công ty cổ phần Công nghệ và đầu tư Bách Việt (BTI) ký kết Hợp đồng Hợp tác toàn diện giai đoạn 2007-2010 và ABBANK trở thành một trong các cổ đông chiến lược của Công ty Bách Việt với vốn góp 5%

Tháng 4/2007

- ABBANK phát hành 30 triệu USD kỳ phiếu đô la Mỹ
- Khai trương PGD Hậu Giang tại 243 Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, TP.HCM
- Khai trương PGD Nguyễn Công Trứ tại 194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP.HCM
- Khai trương PGD Lạc Long Quân tại 349A Lạc Long Quân, P. 5, Quận 11, TP. HCM
- Khai trương PGD Nguyễn Tri Phương tại 136H Nguyễn Tri Phương, P. 9, Quận 5, TP.HCM
- Ngày 20/04/2007 ABBANK và Công ty Điện lực Hà Nội thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam ký kết Thỏa thuận nguyên tắc đặt nền móng cho sự hợp tác giữa hai bên
- ABBANK trở thành thành viên của mạng thanh toán Paynet

Tháng 5/2007

- Khai trương PGD Tân Tiến tại 312-314 Quốc Lộ 1, P. Tân Tiến, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Khai trương PGD Long An tại 123-125-127 Hùng Vương, P.2 , TX Tân An, tỉnh Long An
- Khai trương PGD Vĩnh Long tại 26 Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, TX Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
- Khai trương PGD Quang Trung tại 1C- A3 Quang Trung, P. 3, Q. Gò Vấp, TP. HCM
- Khai trương PGD Nguyễn Văn Cừ tại 453 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, Hà Nội.
- Ngày 24/05/2007 ABBANK và Công ty Điện lực 2 (PC2) tiến hành ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện trong việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng và phát triển mạng lưới điểm giao dịch của ABBANK
- ABBANK được nhận giải thưởng “Quả cầu vàng” bình chọn cho Ngân Hàng tốt nhất trong việc phát triển nhanh các sản phẩm dịch vụ công nghệ cao

Tháng 6/2007

- ABBANK thực hiện tăng vốn từ 1131 tỷ đồng lên 2300 tỷ đồng theo công văn chấp thuận số 863/NHNN-HCM02 của Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh TP.HCM
- Khai trương PGD Trần Hưng Đạo tại 855 Trần Hưng Đạo, P. 1, Quận 5, TP.HCM
- Khai trương PGD Tân Phú tại 22 Trương Vĩnh Ký, P. Tân Thành, Q. Tân Phú, TP.HCM
- Khai trương PGD Dân Chủ tại 115 Dân Chủ, P. Bình Thọ, Q. Thủ Đức, TP.HCM
- Khai trương PGD Long Xuyên tại 904 Hà Hoàng Hồ, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
- Khai trương PGD Cao Lãnh tại 42 Đốc Binh Kiều, Phường 2 , TP Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
- Khai trương PGD Tam Kỳ tại 12 Phan Châu Trinh, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
- Khai trương PGD Tôn Đức Thắng tại 141 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa, Hà Nội
- Khai trương PGD Trần Đăng Ninh tại 109 Trần Đăng Ninh, Q. Cầu Giấy, Hà Nội

Tháng 7/2007

- Ngày 07/07/2007, ngày 25/07/2007 ABBANK và Công ty Điện lực 1 (PC1) và Công ty Điện lực 3 (PC3) tiến hành ký kết hợp đồng hợp tác toàn diện trong việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng và phát triển mạng lưới điểm giao dịch của ABBANK
- ABBANK và công ty Cổ phần chứng khoán Hà Thành ký kết Công ty Thông Tin Viễn thông Điện lực (EVN Telecom) về việc thực hiện dịch vụ Tổ chức tư vấn phát hành, đại lý phát hành, đại lý thanh toán và bảo lãnh phát hành 720 tỷ đồng Trái phiếu của EVN Telecom
- Khai trương PGD Lê Quang Định tại 428 Lê Quang Định, P. 11, Q. Bình Thạnh, TP.HCM
- Khai trương PGD Trường Chinh tại 22/15 Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Quận 12, TP. HCM
- Khai trương PGD Quán Thánh tại 188 Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Tháng 8/2007

- Ngày 30/08/2007 ABBANK và Công ty Điện lực TP.HCM (PC HCM) tiến hành ký kết Hợp đồng thỏa thuận hợp tác trong việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng
- Khai trương PGD Huỳnh Văn Bánh tại 224B Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Q.Phú Nhuận, TP HCM
- Hội thảo “ABBANK đồng hành cùng Doanh nghiệp nhỏ và vừa”
- ABBANK phát hành chứng chỉ tiền gửi USD đợt 1
- Khai trương PGD Tây Ninh tại A3-A4 Trung tâm thương mại Đại lộ 30/4, TX Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh
- Khai trương PGD Đồng Xoài tại đường Hùng Vương, P Tân Bình, TX Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
- Khai trương PGD Huế tại 100 Nguyễn Huệ, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
- Khai trương PGD Lê Trọng Tấn tại 30 Lê Trọng Tấn, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
- Khai trương PGD Bắc Ninh tại 10 Nguyễn Đăng Đạo, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Tháng 9/2007

- ABBANK phát hành 114.745.720 cổ phiếu với tổng giá trị là 1.147.457.200.000đ (Một nghìn một trăm bốn mươi bảy tỷ, bốn trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm ngàn đồng).
- Khai trương PGD Lê Văn Việt tại 221 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Q. 9, TP.HCM

Tháng 10/2007

- Khai trương PGD Kỳ Hòa tại 65 - 65A 3/2, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
- Khai trương PGD Phan Đăng Lưu tại 168A Phan Đăng Lưu, Phường 3, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
- Khai trương PGD Phan Thiết tại 384 Trần Hưng Đạo, P. Lạc Đạo, Tp Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận
- Khai trương PGD Trưng Nữ Vương tại 391 Trưng Nữ Vương, P. Hòa Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng
- Khai trương PGD Mỹ Hào tại 12 Phố Nối, Thị Trấn Bàn Yên Nhân, Huyện Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

Tháng 11/2007

- ABBANK chính thức hoạt động với số vốn điều lệ mới: 2300 tỷ đồng
- Khai trương PGD Rạch Giá tại 54-55 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
- Khai trương PGD Hà Đông tại 01 Trần Phú, P. Văn Mỗ, TP Hà Đông, tỉnh Hà Tây

Tháng 12/2007

- Tổng tài sản của ABBANK vượt ngưỡng 1 triệu USD (hơn 16.000 tỷ đồng)
- ABBANK phát hành chứng chỉ tiền gửi USD đợt 2
- ABBANK phát động chương trình “Vui Xuân Vàng cùng ABBANK”, Hội thảo “Giải pháp Tài chính cho nhà thầu Điện lực thực hiện thi công các dự án điện” do ABBANK kết hợp Tập đoàn Điện lực Việt Nam tổ chức
- Khai trương PGD Phố Huế tại 48-50 Phố Huế, Q Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Khai trương PGD Thái Nguyên tại 140 Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên



Kế hoạch kinh doanh năm 2008

Với phương châm phát triển dựa trên nền tảng bền vững, năm 2008, ABBANK sẽ tiếp tục tăng trưởng đồng bộ cả về quy mô và chất lượng, với những mục tiêu cụ thể như sau:

- **Các chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu** (mức tăng trưởng so với 2008)
 - Vốn điều lệ tăng lên 3.000 tỉ đồng, tăng 30%
 - Tổng tài sản đạt 22.693 tỉ đồng, tăng 30%.
 - Trong đó, chú trọng đến các hoạt động tín dụng, dự kiến tăng lên 47%, huy động từ dân cư tăng 60%, thu nhập hoạt động đầu tư tăng 279% so với năm 2007.
 - Lợi nhuận tăng trưởng 91% so với năm 2007.

- **Mạng lưới:**

Năm 2008, ABBANK sẽ mở rộng và phát triển mạng lưới trên toàn quốc đặc biệt tập trung ở các thành phố lớn, các khu kinh tế trọng điểm. Dự kiến, ABBANK sẽ có 20 PGD/CN mới thành lập, nâng tổng số PGD/CN của toàn hệ thống lên 74

- **Nhân sự:**

Để chuẩn bị cho nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển, ABBANK tiếp tục đưa ra các chính sách thu hút nhân tài và tập trung đào tạo nội bộ, xây dựng Văn hoá ABBANK.

Dự tính số lượng nhân viên của toàn hàng sẽ tăng lên 1.800 người vào cuối năm 2008.



- Sản phẩm dịch vụ:

Với phương châm cung cấp các sản phẩm dịch vụ linh hoạt, an toàn và hiệu quả, năm 2008, ABBANK sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng, mở rộng và tăng thị phần hoạt động dịch vụ thể hiện qua việc:

- Tăng cường hoạt động tín dụng, đưa ra sản phẩm mới có tính cạnh tranh cao, linh động điều chỉnh lãi suất, tăng cường bán chéo sản phẩm mà cụ thể tập trung vào đối tượng khách hàng doanh nghiệp SME, khách hàng truyền thống EVN, tài trợ các đối tượng xuất nhập khẩu, tài trợ có chọn lọc dự án thủy điện, bất động sản, ra đời thêm các dòng sản phẩm cá nhân để phát triển mảng bán lẻ, ...
- Về huy động, chủ trương mở rộng các dịch vụ liên quan tài khoản, xây dựng, vận hành 3 trung tâm thanh toán tại TP. HCM, TP. Hà Nội, TP. Đà Nẵng để tăng nguồn tiền gửi không kỳ hạn, ra đời các dòng sản phẩm tiết kiệm tích lũy bậc cao ...
- Năm 2008 cũng là năm ngân hàng tập trung phát triển các sản phẩm dịch vụ thẻ, với chỉ tiêu 100.000 thẻ được phát hành, chủ yếu là thẻ ATM, thẻ tín dụng, thẻ trả trước. Ngoài ra, ABBANK sẽ đầu tư nhiều hơn vào công nghệ dự án thẻ như: Visa/Master card, thẻ chip, You card - billing ...
- Số lượng khách hàng cho vay đến thời điểm hiện nay khoảng 1.000 doanh nghiệp và 10.000 cá nhân dự định năm sau số lượng khách hàng sẽ là 15.000 khách hàng cá nhân và 5.000 khách hàng doanh nghiệp, gấp trên 300%.
- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư, chú trọng đến các dự án có tính thanh khoản cao, tập trung lớn cho các dự án ngành điện và đa dạng hoá hình thức đầu tư qua các dịch vụ như: tư vấn đầu tư, bảo lãnh, phát hành các công cụ tài chính.



Báo cáo tài chính

Ngân Hàng An Bình

Các Báo cáo Tài chính Hợp nhất đã được kiểm toán
ngày 31 tháng 12 năm 2007.



Mục lục

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	01
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân Đối Kế Toán	02 - 03
Báo Cáo Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	04
Báo Cáo Lợi Nhuận Để Lại	05
Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ	06 - 07
Thuyết Minh Các Báo Cáo Tài Chính	08 - 44

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

các báo cáo tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình
vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lợi nhuận để lại, báo cáo lưu chuyển tiền tệ có liên quan và các thuyết minh đính kèm (sau đây được gọi tắt là “các báo cáo tài chính”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như được trình bày từ trang 2 đến trang 44. Việc lập các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc của Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở Ý kiến Kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến Kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và tuân thủ theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Võ Tấn Hoàng Văn
Phó Tổng Giám đốc
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0264/KTV



Nguyễn Xuân Đại
Kiểm toán viên phụ trách
Kiểm toán viên đã đăng ký
Số đăng ký: 0452/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
TÀI SẢN			
Tiền mặt tại quỹ	3	149.751	33.195
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	4	365.006	31.323
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	5	5.643.866	1.536.087
Chứng khoán kinh doanh	6	35.519	-
Chứng khoán kinh doanh		48.455	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(12.936)	-
Cho vay khách hàng		6.800.285	1.116.500
Cho vay khách hàng	7	6.858.134	1.130.930
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	8	(57.849)	(14.430)
Chứng khoán đầu tư	9	3.659.331	343.436
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		1.098.734	104.825
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		2.560.597	238.611
Tài sản cố định	10	79.873	6.664
Tài sản cố định hữu hình	10.1	61.984	6.664
Nguyên giá tài sản cố định		69.225	7.627
Hao mòn tài sản cố định		(7.241)	(963)
Tài sản cố định vô hình	10.2	17.889	-
Nguyên giá tài sản cố định		19.172	-
Hao mòn tài sản cố định		(1.283)	-
Tài sản có khác	11	440.486	46.693
Các khoản phải thu	11.1	135.478	24.131
Các khoản lãi và phí phải thu	11.2	286.985	20.318
Tài sản có khác	11.3	18.023	2.244
TỔNG TÀI SẢN		17.174.117	3.113.898

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	12	217.172	22.966
Tiền gửi và vay các TCTD khác	13	7.268.987	297.686
Tiền gửi của các TCTD khác		6.773.732	297.686
Vay các TCTD khác		495.255	-
Tiền gửi của khách hàng	14	6.776.279	1.551.159
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ TC khác		366	-
Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	15	11.164	16.191
Phát hành giấy tờ có giá	16	204.949	-
Các khoản nợ khác		216.000	35.622
Các khoản lãi và phí phải trả	17.1	123.127	9.498
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	91.782	26.124
Dự phòng cho công nợ tiềm ẩn và cam kết ngoại bảng	8	1.091	-
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		14.694.917	1.923.624
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn và các quỹ dự trữ			
Vốn điều lệ		2.300.000	1.131.951
Thặng dư vốn cổ phần		115.282	-
Cổ phiếu quỹ		(115.281)	-
Quỹ dự trữ		39.187	16.527
Lợi nhuận chưa phân phối		140.012	41.796
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	19.1	2.479.200	1.190.274
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		17.174.117	3.113.898
CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
Nghĩa vụ nợ tiềm ẩn	31	526.026	508.996

Người lập:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt:

Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
THU NHẬP HOẠT ĐỘNG			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20	1.102.140	150.271
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	21	(777.777)	(74.669)
THU NHẬP LÃI THUẦN		324.363	75.602
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		15.274	9.758
Chi phí hoạt động dịch vụ		(9.687)	(4.644)
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	22	5.587	5.114
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	23	2.515	245
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	24	(12.936)	-
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	25	102.043	212
(Lỗ)/Lãi thuần từ hoạt động khác		(27)	39.474
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		421.545	120.647
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
Chi phí nhân viên		(49.909)	(10.114)
Chi phí khấu hao		(7.667)	(663)
Chi phí hoạt động khác	26	(88.693)	(15.637)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(146.269)	(26.414)
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		275.276	94.233
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	8	(44.510)	(13.473)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		230.766	80.760
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	(69.017)	(22.613)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	18.2	-	-
Chi phí thuế TNDN		(69.017)	(22.613)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		161.749	58.147
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng) (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu)	27	1.219	971

Người lập:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt:

Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LỢI NHUẬN ĐỀ LẠI

cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
LỢI NHUẬN ĐỀ LẠI ĐẦU NĂM	19.1	41.796	8.598
Lợi nhuận thuần trong năm		161.749	58.147
LỢI NHUẬN TRƯỚC KHI PHÂN PHỐI		203.545	66.745
Trừ:			
Trích lập các quỹ dự trữ theo quy định của năm trước		-	(1.995)
Tạm trích các quỹ trong năm		(23.453)	(16.775)
Chi trả cổ tức		(19.488)	(6.068)
Kết chuyển tăng vốn điều lệ		(20.592)	-
Các khoản khác		-	(111)
LỢI NHUẬN ĐỀ LẠI CUỐI NĂM	19.1	140.012	41.796

Người lập:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt:



Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương		835.473	133.142
Chi phí lãi và các chi phí tương đương		(664.148)	(68.408)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		5.587	5.114
Chênh lệch số tiền thực thu/ thực chi từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và ngoại tệ		165.524	457
Thu nhập khác		(27)	39.474
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý công vụ		(137.374)	(25.500)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong kỳ	18.1	(36.518)	(5.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ phải trả		168.517	78.373
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
Tăng các khoản tiền gửi tại các TCTD khác		(2.997.660)	(714.575)
Tăng các khoản về kinh doanh chứng khoán		(2.775.316)	(267.413)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(5.727.204)	(724.530)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản (tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn)		-	(3)
Tăng khác về tài sản hoạt động		(127.126)	(23.453)
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng các khoản nợ Chính phủ và NHNN		194.206	(12.034)
Tăng các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD		6.971.301	56.462
Tăng tiền gửi của khách hàng		5.225.120	1.341.842
Giảm vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro		(5.027)	16.191
Tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ TC khác		366	-
Tăng công nợ khác		236.906	6.284
Chi từ các quỹ	19.1	(793)	(2.324)
Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng trong) hoạt động kinh doanh		1.163.290	(245.180)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định	10	(80.902)	(5.500)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng trong hoạt động đầu tư		(80.902)	(5.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tăng vốn điều lệ		1.262.739	952.583
Chi mua cổ phiếu quỹ		(115.281)	-
Cổ tức trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	19.1	(19.488)	(6.068)
Các khoản khác		-	(111)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.127.970	946.404
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		2.210.358	695.724
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu kỳ	28	857.980	162.256
Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối kỳ	28	3.068.338	857.980

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ

ĐVT: triệu đồng

Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2007	Năm 2006
Vốn cổ phần tăng từ cổ tức được chia	19.1	20.592	-
Vốn cổ phần tăng từ thặng dư vốn cổ phần		-	13.860
Vốn cổ phần tăng từ quỹ bổ sung vốn điều lệ		-	508

Người lập:

Người phê duyệt:

Người phê duyệt:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Các thuyết minh đính kèm từ mục 1 đến 36 là một phần của các báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình (sau đây được gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký hoạt động tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Thành lập và Hoạt động

Ngân hàng đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”) cấp Giấy phép Hoạt động Ngân hàng số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 4 năm 1993, có hiệu lực từ ngày 18 tháng 9 năm 1997 trong thời hạn 20 năm.

Theo Quyết định Chấp thuận số 1333 ngày 07 tháng 09 năm 2005 của NHNN, Ngân hàng đã được phép chuyển đổi từ ngân hàng cổ phần nông thôn thành ngân hàng thương mại cổ phần đô thị. Do đó, Ngân hàng được phép tiến hành đầy đủ các hoạt động ngân hàng, bao gồm hoạt động huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn của các tổ chức và cá nhân khác nhau, hoạt động cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn các tổ chức và cá nhân khác nhau dựa vào tính chất và năng lực nguồn vốn của Ngân hàng, tiến hành các giao dịch ngoại hối, các dịch vụ hỗ trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá; cung cấp các dịch vụ giao dịch giữa các khách hàng với nhau và các hoạt động ngân hàng khác khi Ngân hàng Nhà nước cho phép.

Vốn Điều lệ

Kể từ ngày thành lập, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được NHNN chấp thuận tăng qua các thời kỳ như sau:

<i>Vốn điều lệ từng kỳ (triệu đồng)</i>	<i>Được NHNN chấp thuận theo</i>	<i>Ngày ban hành</i>
1.200	Quyết định số 102/QĐ-NHNN5	Ngày 21 tháng 3 năm 1998
5.000	Quyết định số 986/NHTP.2001	Ngày 12 tháng 10 năm 2001
26.804	Quyết định số 494/NHTP.2003	Ngày 5 tháng 5 năm 2003
35.104	Quyết định số 1338/NHNN-HCM02	Ngày 26 tháng 12 năm 2003
71.544	Quyết định số 967/NHNN-HCM02	Ngày 22 tháng 6 năm 2004
165.000	Quyết định số 1513/NHNN-HCM02	Ngày 13 tháng 7 năm 2005
500.000	Quyết định số 677/NHNN-HCM02	Ngày 02 tháng 6 năm 2006
990.000	Quyết định số 1254/NHNN-HCM02	Ngày 15 tháng 9 năm 2006
1.131.951	Quyết định số 1517/NHNN-HCM02	Ngày 6 tháng 11 năm 2006
2.300.000	Quyết định số 863/NHNN-HCM02	Ngày 13 tháng 6 năm 2007

Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm tài chính 2007 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày được bổ nhiệm</i>
Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch	Ngày 22 tháng 3 năm 2005
Ông Nguyễn Hùng Mạnh	Phó Chủ tịch	Ngày 3 tháng 8 năm 2005
Ông Đào Văn Hưng	Phó Chủ tịch	Ngày 3 tháng 8 năm 2005
Ông Dương Quang Thành	Thành viên	Ngày 3 tháng 8 năm 2005



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

1. GIỚI THIỆU VỀ NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính 2007 và cho tới thời điểm lập báo cáo này gồm:

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Ngày được bổ nhiệm / miễn nhiệm</i>
Ông Lưu Đức Khánh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2007
Ông Nguyễn Hùng Mạnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 1 năm 2007
Ông Nguyễn Công Cảnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2002
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 Tháng 3 năm 2007
Bà Trần Thanh Hoa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 2 năm 2007
Ông Phạm Quốc Thanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2007
Ông Bùi Trung Kiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 10 năm 2007
Ông Lý Vinh Quang	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2007
Ông Nguyễn Hoài Anh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2007

Trụ sở và Hệ thống Chi nhánh

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại 78-80 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, một (1) Sở Giao dịch, năm (5) Chi nhánh và bốn mươi tám (48) Phòng Giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 1.123 người (năm 2006: 251 người).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Ngân hàng được trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam (“triệu đồng” hay “triệu VNĐ”), được lập theo Hệ thống Kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Quyết định số 29/2006/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 07 năm 2006 và Quyết định số 479/QĐ-NHNN2 ngày 29 tháng 04 năm 2004 do Thống Đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các qui định có liên quan bao gồm:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành và công bố 6 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 5).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngoại trừ việc các báo cáo tài chính này chưa trình bày đầy đủ các thông tin về chính sách quản lý và thông tin về tình hình rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản của Ngân hàng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007. Tuy nhiên, Điều 29 của Quyết định 16/2007/QĐ-NHNN cho phép các tổ chức tín dụng có thể trình bày các thông tin về tình hình rủi ro lãi suất và rủi ro thanh khoản từ năm tài chính 2008.

Các báo cáo tài chính đính kèm được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính cũng như việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, những báo cáo này không được lập nhằm thể hiện tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.3 Các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

2.4 Dự phòng rủi ro tín dụng

Theo Luật các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 1998, Luật Sửa đổi và Bổ sung một số Điều trong Luật Các Tổ chức Tín dụng có hiệu lực từ ngày 1 tháng 10 năm 2004, Quyết định 127/2005/QĐ-NHNN ngày 3 tháng 2 năm 2005, Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 04 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng phải thực hiện phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng. Theo đó, các khoản cho vay khách hàng được phân loại theo các mức độ rủi ro như sau: *Nợ đủ tiêu chuẩn*, *Nợ cần chú ý*, *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* dựa vào tình trạng quá hạn và các yếu tố định tính khác của khoản cho vay.

Rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay khách hàng được tính bằng giá trị còn lại của khoản cho vay trừ giá trị của tài sản đảm bảo đã được chiết khấu theo các tỷ lệ theo quy định của Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN. Dự phòng cụ thể được trích lập trên rủi ro tín dụng thuần của các khoản cho vay theo các tỷ lệ tương ứng với từng nhóm như sau:

<i>Nhóm</i>	<i>Loại</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng cụ thể</i>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
2	Nợ cần chú ý	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
4	Nợ nghi ngờ	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	100%

Các khoản nợ được phân loại là *Nợ dưới tiêu chuẩn*, *Nợ nghi ngờ* và *Nợ có khả năng mất vốn* được coi là nợ xấu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.4 Dự phòng rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng chung được trích lập để dự phòng cho những tổn thất chưa xác định được trong quá trình phân loại nợ và trích lập dự phòng cụ thể và trong các trường hợp các tổ chức tín dụng gặp khó khăn về tài chính khi chất lượng các khoản nợ suy giảm. Theo đó, trong vòng 5 năm kể từ tháng 5 năm 2005, Ngân hàng phải thực hiện trích lập và duy trì dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị các khoản nợ từ nhóm 1 đến nhóm 4, giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không huỷ ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

Ngân hàng đã trích và duy trì mức dự phòng chung bằng 0,43% của tổng số dư nợ cho vay từ nhóm 1 đến nhóm 4, giá trị của các khoản bảo lãnh, các cam kết cho vay không huỷ ngang và các cam kết chấp nhận thanh toán cho khách hàng (tương đương với 57% của tổng số cần phải trích là 0,75%) tại ngày 30 tháng 11 năm 2007.

Dự phòng được ghi nhận như một khoản chi phí trên báo cáo kết quả kinh doanh và được sử dụng để xử lý các khoản nợ xấu. Ngân hàng thành lập Hội đồng Xử lý Rủi ro để xử lý các khoản nợ xấu nếu như chúng được phân loại vào nhóm 5, hoặc nếu khách hàng vay là pháp nhân giải thể, phá sản, hoặc là cá nhân bị chết hoặc mất tích.

2.5 Đầu tư vào chứng khoán

2.5.1 Các chứng khoán kinh doanh

Các chứng khoán kinh doanh là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch. Các chứng khoán sau đó được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá trị thị trường và giá gốc. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính nếu có. Bất kỳ một khoản giảm giá hoặc tổn thất ước tính nào của những loại chứng khoán này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5.2 Các chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán được giữ cho đến khi đến hạn bao gồm các chứng khoán có giá trị được xác định và có ngày đáo hạn cụ thể và Ngân hàng dự định nắm giữ các chứng khoán này cho tới ngày đáo hạn. Các chứng khoán này được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá. Chênh lệch giữa giá mua, bao gồm cả chi phí bỏ ra để có được chứng khoán và mệnh giá được hạch toán vào tài khoản chiết khấu/phụ trội trong khoản mục tài sản/công nợ khác và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Lãi dự thu được tính theo phương pháp đường thẳng. Chứng khoán được giữ đến khi đáo hạn sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5.3 Các chứng khoán sẵn sàng để bán

Các chứng khoán sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán ngoài các loại nêu trên, ban đầu được xác định theo mệnh giá. Chênh lệch giữa giá mua, bao gồm cả chi phí bỏ ra để có được chứng khoán và mệnh giá được hạch toán vào tài khoản chiết khấu/phụ trội trong khoản mục tài sản/công nợ khác và được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong suốt thời gian còn lại của chứng khoán. Chứng khoán sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường. Ngoại trừ trường hợp không thể xác định giá trị thị trường một cách chắc chắn thì giá trị của chúng sẽ được tính dựa trên nguyên giá sau khi trừ đi tổn thất ước tính (nếu có). Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Các tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không phải ghi giảm tài sản trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền nhận được được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán là “các cam kết mua lại” (nếu có) phản ánh tính chất là một khoản vay đối với Ngân hàng. Chênh lệch giữa giá bán và giá mua lại được ghi nhận là chi phí lãi và được dự chi trong thời hạn của cam kết theo phương pháp lãi suất đường thẳng.

Ngược lại, những chứng khoán được mua theo hợp đồng sẽ được bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không phải ghi tăng tài sản trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận là “cam kết bán lại” (nếu có). Chênh lệch giữa giá mua và giá bán lại được ghi nhận là thu nhập lãi và được dự thu trong thời hạn của cam kết theo phương pháp lãi suất đường thẳng.

2.7 Tài sản cố định

Giá trị tài sản cố định được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định là toàn bộ các chi phí trực tiếp đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí liên quan đến bổ sung, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được tất toán và bất kỳ các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 Khấu hao

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa	25 – 30 năm
Máy móc văn phòng	5 năm
Phương tiện vận tải	5 năm
Thiết bị văn phòng	5 năm
Quyền sử dụng đất có thời hạn	theo thời hạn thuê
Phần mềm kế toán	3 năm

2.9 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu, dự chi. Lãi phải thu phát sinh trong kỳ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ đối với các khoản nợ xác định là có khả năng thu hồi cả gốc, lãi đúng thời hạn và không phải trích dự phòng rủi ro cụ thể theo qui định. Thu nhập lãi được ngừng tính khi khoản nợ bị giảm giá trị và bị trích lập dự phòng rủi ro cụ thể. Lãi dự thu của các khoản vay quá hạn và của nợ xấu được hạch toán và theo dõi ở ngoại bảng cho đến khi thực thu.

Phí và hoa hồng cũng được ghi nhận trên cơ sở dự thu, dự chi. Cổ tức nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi hội đồng quản trị của đơn vị được đầu tư thông qua kế hoạch phân chia cổ tức.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán (xem chi tiết tỷ giá các loại ngoại tệ áp dụng vào ngày 31 tháng 12 tại Thuyết minh số 36). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang Việt Nam đồng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập Ngân hàng hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập Ngân hàng được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

2.12 Tiền mặt và các khoản tương đương tiền thuần

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, Tín phiếu Chính phủ, và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với Ngân hàng Nhà nước, chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua; tiền gửi các tổ chức tín dụng khác không kỳ hạn và đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

2.13 Bù trừ

Tài sản và công nợ tài chính được bù trừ và thể hiện giá trị ròng trên bảng cân đối kế toán chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc bù trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và công nợ theo giá trị thuần, hoặc việc tất toán tài sản và công nợ xảy ra đồng thời.

2.14 Sử dụng các ước tính

Việc trình bày các báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể có thay đổi dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

2.15 Lợi ích của nhân viên

Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội, Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 15% lương cơ bản hàng tháng của họ. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc

Trợ cấp thôi việc tự nguyện: theo Điều 42 Bộ Luật Lao động sửa đổi ngày 02 tháng 4 năm 2002, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc.

Trợ cấp mất việc: theo Điều 17 của Bộ Luật Lao động, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp cho nhân viên bị mất việc do thay đổi cơ cấu tổ chức hoặc công nghệ. Trong trường hợp này, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp mất việc bằng một tháng lương cho mỗi năm làm việc nhưng tổng trợ cấp không thấp hơn hai tháng lương.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.15 Lợi ích của nhân viên (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc tự nguyện và trợ cấp mất việc (tiếp theo)

Mặc dù nghĩa vụ quy định trong điều 17 và 42 là bắt buộc, việc thực hiện những nghĩa vụ này còn cần tuân theo hướng dẫn chi tiết của Bộ Tài chính trong các thông tư hướng dẫn thực hiện. Theo Thông tư số 64/1999/TT-BTC ngày 07 tháng 6 năm 1999 và Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính thay thế Thông tư 64, các ngân hàng phải tính toán trợ cấp mất việc làm cho nhân viên từ 1.00% đến 3.00%/năm trên lương cơ bản của nhân viên. Ngoài ra, số dư của quỹ trợ cấp thôi việc đã được trích lập trước đây bằng 10.00% của lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ theo Thông tư 64 nên được chuyển sang quỹ trợ cấp mất việc cho nhân viên theo Thông tư 82.

Trong năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc tự nguyện tuân thủ theo Điều 42 Bộ Luật Lao động.

2.16 Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Chi phí thuê phát sinh từ hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3. TIỀN MẶT TẠI QUỸ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Tiền mặt bằng VNĐ	131.584	27.654
Tiền mặt bằng ngoại tệ	18.167	5.535
Vàng tiền tệ	-	6
	<u>149.751</u>	<u>33.195</u>

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Tiền gửi thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	365.006	31.323
Tiền gửi phong tỏa	-	-
	<u>365.006</u>	<u>31.323</u>

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Kể từ năm 2007, chỉ các khoản tiền gửi dự trữ bắt buộc bằng VNĐ và các khoản tiền gửi thanh toán bằng ngoại tệ được hưởng lãi suất tương ứng là 1,20%/năm và 1,00%/năm.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

4. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (tiếp theo)

Theo qui định của NHNN, Ngân hàng phải duy trì một khoản dự trữ nhất định tại NHNN dưới dạng dự trữ bắt buộc, được tính bằng 10,00% và 4,00% (2006: 5,00% và 2,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng VNĐ có kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng; và bằng 10,00% và 4,00% (năm 2006: 8,00% và 2,00%) tương ứng đối với tiền gửi của khách hàng bằng ngoại tệ cho kỳ hạn dưới 12 tháng và từ 12 tháng đến 24 tháng.

Trong năm, Ngân hàng thực hiện tuân thủ theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc.

5. TIỀN GỬI TẠI CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Tiền gửi không kỳ hạn (“KKH”) tại các TCTD khác	202.467	84.324
Tiền gửi có kỳ hạn (“CKH”) tại các TCTD khác	5.441.399	1.451.763
	<u>5.643.866</u>	<u>1.536.087</u>

5.1 Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD khác

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng VNĐ	169.179	82.487
Tiền gửi KKH tại các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	33.288	1.837
	<u>202.467</u>	<u>84.324</u>

5.2 Tiền gửi có kỳ hạn tại các TCTD khác

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
<i>Tiền gửi CKH tại các TCTD có kỳ hạn dưới ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH với các TCTD trong nước bằng VNĐ	1.685.000	691.000
Tiền gửi CKH với các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	16.114	18.138
Bao gồm trong tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh số 28)	<u>1.701.114</u>	<u>709.138</u>
<i>Tiền gửi CKH tại các TCTD có kỳ hạn trên ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH với các TCTD trong nước bằng VNĐ	3.700.000	742.625
Tiền gửi CKH với các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	40.285	-
	<u>3.740.285</u>	<u>742.625</u>
	<u>5.441.399</u>	<u>1.451.763</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Đầu tư vào chứng khoán kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 bao gồm:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Chứng khoán Vốn		
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	48.455	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(12.936)	-
	<u>35.519</u>	<u>-</u>

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Chứng khoán Vốn:		
Đã niêm yết	<u>48.455</u>	<u>-</u>

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	6.590.099	799.826
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	92.723	11.145
Cho vay bằng vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư	175.312	319.959
	<u>6.858.134</u>	<u>1.130.930</u>

Mức lãi suất cho vay vào ngày 31 tháng 12 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
	<i>lãi suất %/năm</i>	<i>lãi suất %/năm</i>
Cho vay bằng VNĐ	12,24% - 12,60%	12,00% - 13,80%
Cho vay bằng ngoại tệ	5,69% - 10,42%	6,60% - 7,90%

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

7.1. Phân tích chất lượng cho vay

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	6.696.412	1.072.718
Nợ cần chú ý	58.418	27.645
Nợ dưới tiêu chuẩn	19.888	9.796
Nợ nghi ngờ	30.079	20.621
Nợ có khả năng mất vốn	53.337	150
	<u>6.858.134</u>	<u>1.130.930</u>

7.2. Phân tích dư nợ theo thời gian

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Nợ ngắn hạn	3.580.254	695.939
Nợ trung hạn	1.763.368	369.283
Nợ dài hạn	1.514.512	65.708
	<u>6.858.134</u>	<u>1.130.930</u>

7.3. Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

Phân tích dư nợ cho vay theo loại hình doanh nghiệp tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>		<i>Năm 2006</i>	
	<i>triệu đồng</i>	<i>%</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>%</i>
Cho vay các TCKT				
Doanh nghiệp nhà nước	331.855	4,83	1.130	0,10
Doanh nghiệp khác	3.879.096	56,57	1.129.800	99,90
	<u>4.210.951</u>	<u>61,40</u>	<u>1.130.930</u>	<u>100</u>
Cho vay cá nhân	2.647.183	38,60	-	-
	<u>6.858.134</u>	<u>100</u>	<u>1.130.930</u>	<u>100</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

7. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

7.4. Phân tích dư nợ cho vay theo ngành

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2006	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Thương nghiệp, sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy, đồ dùng cá nhân và gia đình	2.959.186	43,15	613.769	54,27
Hoạt động phục vụ cá nhân và cộng đồng	2.376.643	34,64	-	-
Công nghiệp chế biến	827.686	12,07	86.145	7,62
Xây dựng	429.093	6,26	214.132	18,93
Hoạt động tài chính	197.430	2,88	-	-
Nông nghiệp và lâm nghiệp	46.349	0,68	7.880	0,70
Công nghiệp khai thác mỏ	21.747	0,32	-	-
Vận tải, kho bãi thông tin liên lạc	-	-	56.125	4,96
Khác	-	-	152.879	13,52
	6.858.134	100	1.130.930	100

8. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng bao gồm:

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		
Dự phòng cụ thể	35.277	11.717
Dự phòng chung	22.572	2.713
	57.849	14.430
Dự phòng chung các cam kết ngoại bảng	1.091	-
	58.940	14.430

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng trong năm của năm hiện hành bao gồm các khoản sau:

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng		
	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng cộng
Số dư dự phòng đầu kỳ	11.717	2.713	14.430
Số tiền đã trích trong năm	31.430	23.165	54.595
Số hoàn nhập dự phòng trong năm	(7.870)	(2.215)	(10.085)
Số dư dự phòng cuối kỳ	35.277	23.663	58.940

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

8. DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG (tiếp theo)

Ngân hàng thực hiện việc phân loại nợ theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN và theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN và theo Chính sách phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng. Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 được trích lập dựa trên kết quả phân loại tổng dư nợ và số dư bảo lãnh trên tài khoản ngoại bảng tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007.

Chi tiết phân loại nợ tại thời điểm 30 tháng 11 năm 2007 và dự phòng rủi ro tín dụng tương ứng theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Phân loại	Dư nợ cho vay tại ngày 30 tháng 11 năm 2007	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung	Tổng số dự phòng
Nợ đủ tiêu chuẩn	5.185.585	-	38.892	38.892
Nợ cần chú ý	70.444	1.400	528	1.928
Nợ dưới chuẩn	24.720	1.487	185	1.672
Nợ nghi ngờ	26.130	6.135	197	6.332
Nợ có khả năng mất vốn	59.066	26.255	-	26.255
	<u>5.365.945</u>	<u>35.277</u>	<u>39.802</u>	<u>75.079</u>
Cam kết ngoại bảng được tính dự phòng chung	<u>256.398</u>	<u>-</u>	<u>1.923</u>	<u>1.923</u>
		<u>35,277</u>	<u>41,725</u>	<u>77,002</u>

Tình hình số dư dự phòng rủi ro tín dụng tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2007 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Dự phòng rủi ro tín dụng	Dự phòng cụ thể	Dự phòng chung cho dư nợ tín dụng	Dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng	Tổng số dự phòng
Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN	35.277	39.802	1.923	77.002
Số thực tế Ngân hàng đã hạch toán	35.277	22.572	1.091	58.940
Số dự phòng chưa hạch toán đủ	-	17.230	832	18.062

Trong 2007, Ngân hàng đã trích đủ dự phòng cụ thể. Số dự phòng chưa hạch toán đủ tại thời điểm ngày 30 tháng 11 năm 2007 là 18.062 triệu đồng là của dự phòng chung. Tuy nhiên, Điều 9 của Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN cho phép Ngân hàng trích lập đủ dự phòng chung trong thời gian 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (từ tháng 5 năm 2005).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	1.098.734	104.825
- Chứng khoán Nợ	650.000	-
Chứng khoán Chính phủ	650.000	-
- Chứng khoán Vốn	448.734	104.825
Chứng khoán Vốn do các TCTD khác trong nước phát hành	7.500	-
Chứng khoán Vốn do các TCKT trong nước phát hành	441.234	104.825
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	2.560.597	238.611
- Chứng khoán Chính phủ	782.968	50
- Chứng khoán Nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	820.442	143.431
- Chứng khoán Nợ do các TCKT trong nước phát hành	957.187	95.130
	<u>3.659.331</u>	<u>343.436</u>

9.1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chi tiết các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần vào các tổ chức kinh tế khác của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2007		Năm 2006	
	Giá gốc	% sở hữu của Ngân hàng	Giá gốc	% sở hữu của Ngân hàng
Đầu tư vào các TCTD				
Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	7.500	0,13	-	-
Đầu tư vào các doanh nghiệp				
Công ty Cổ phần G.E.L.E.X.I.M.C.O Số 1	150.000	10,00	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC	100.080	3,71	-	-
Công ty Cổ phần Mạng Thanh toán Vina-paynet	61.215	11,00	-	-
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	60.000	8,33	-	-
Công ty Chứng khoán An Bình	37.059	7,97	5.000	10,00
Công ty Cổ phần EVN-Campuchia	28.800	1,20	-	-
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ An Bình	2.080	6,67	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ thẻ Smartlink	2.000	5,00	-	-
Công ty Nhiệt điện Hải Phòng	-	-	99.825	1,65
	<u>441.234</u>		<u>104.825</u>	
	<u>448.734</u>		<u>104.825</u>	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

9. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

9.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chỉ tiêu	Năm 2007		ĐVT: Triệu đồng Năm 2006	
	Mệnh giá	Giá trị hiện tại	Mệnh giá	Giá trị hiện tại
<i>Trái phiếu chính phủ</i>				
Trái phiếu Chính Phủ	642.800	640.148	50	50
Trái phiếu đô thị Tp. Hồ Chí Minh	142.728	142.815	142.728	142.926
Trái phiếu Xây dựng Thủ đô	5	5	5	5
<i>Trái phiếu do các TCTD và tổ chức kinh tế phát hành</i>				
Trái phiếu của Tập đoàn Tàu Thủy (VINASHIN)	520.000	513.445	95.130	95.130
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	300.000	300.000	-	-
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	300.000	300.000	-	-
Trái phiếu Vinacomin	180.000	180.000	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực	163.000	162.046	-	-
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long	120.000	119.942	-	-
Trái phiếu của Công ty TC Dầu Khí Việt Nam	100.500	100.500	500	500
Trái phiếu Vincom	50.000	50.000	-	-
Trái phiếu Tổng Công ty Thép	50.000	51.696	-	-
	2.569.033	2.560.597	238.413	238.611

Thông tin chi tiết về các trái phiếu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị hiện tại	Kỳ hạn (năm)	Lãi suất (%/năm)	Định kỳ trả lãi
Trái phiếu Chính Phủ	642.800	5 và 15	8,10 - 9,10	Hàng năm
Trái phiếu đô thị Tp. Hồ Chí Minh	142.728	5 và 15	8,52 - 9,55	Hàng năm
Trái phiếu Xây dựng Thủ đô	5	5	8,80	Hàng năm
Trái phiếu của Tập đoàn Tàu Thủy	513.445	10	9,00 - 9,40	Hàng năm
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Kỹ Thương	300.000	5	8,60	Hàng năm
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Á Châu	300.000	5	8,60	Hàng năm
Trái phiếu Vinacomin	180.000	10	9,50	Hàng năm
Trái phiếu Tổng Công ty Điện lực	162.046	10	9,70 - 9,95	Hàng năm
Trái phiếu Ngân hàng Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long	119.942	2	9,00	Hàng năm
Trái phiếu của Công ty TC Dầu Khí VN	100.500	5	8,60 - 9,00	Hàng năm
Trái phiếu Vincom	50.000	5	10,30	Hàng năm
Trái phiếu Tổng Công ty Thép	51.696	5	9,50	Hàng năm

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

10.1 Tài sản cố định hữu hình

Biến động của tài sản cố định (“TSCĐ”) hữu hình trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

<i>Chi tiêu</i>	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	1.627	1.214	4.375	411	7.627
Mua trong kỳ	4.454	34.211	21.338	1.611	61.614
Đầu tư XD/CB hoàn thành	116	-	-	-	116
Thanh lý, nhượng bán	(32)	-	(100)	-	(132)
Phân loại lại	53	234	(180)	(107)	-
Số dư cuối kỳ	6.218	35.659	25.433	1.915	69.225
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	203	360	332	68	963
Khấu hao trong kỳ	774	3.478	1.843	270	6.365
Thanh lý, nhượng bán	(5)	-	(82)	-	(87)
Phân loại lại	47	(176)	119	10	-
Số dư cuối kỳ	1.019	3.662	2.212	348	7.241
Giá trị còn lại của TSCĐ					
Tại ngày đầu kỳ	1.424	854	4.043	343	6.664
Tại ngày cuối kỳ	5.199	31.997	23.221	1.567	61.984

10.2 Tài sản cố định vô hình

ĐVT: Triệu đồng

	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Tăng trong năm	12.053	6.603	516	19.172
Chi phí trong năm	139	813	331	1.283
Giá trị còn lại	11.914	5.790	185	17.889

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	6.123	516
Các khoản phải thu (Thuyết minh 11.1)	129.355	23.615
Lãi và phí phải thu (Thuyết minh 11.2)	135.478	24.131
Tài sản có khác (Thuyết minh 11.3)	286.985	20.318
	18.023	2.244
	<u>440.486</u>	<u>46.693</u>

11.1. Các khoản phải thu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Đặt cọc, ký quỹ, thế chấp, cầm cố	98.655	11.753
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	19.687	5.638
Thuế GTGT đầu vào	-	53
Các khoản phải thu khác	11.013	6.171
	<u>129.355</u>	<u>23.615</u>

Đặt cọc, ký quỹ, thế chấp, cầm cố tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm một khoản tiền đặt cọc là 84.000 triệu đồng để mua đất trị giá 363.518 triệu đồng theo Hợp đồng số 01/HĐ.DTBDS.2007 ký kết ngày 21 tháng 12 năm 2007. Theo điều khoản của Hợp đồng, toàn bộ số tiền đặt cọc sẽ được hoàn trả lại cho Ngân hàng nếu người bán không thể hoàn tất việc chuyển nhượng quyền sở hữu cho Ngân hàng. Trong tháng 2 năm 2008, Ngân hàng đã nhận lại phần lớn của số tiền đặt cọc là 76.000 triệu đồng do chưa thể hoàn tất thủ tục chuyển nhượng trong thời hạn theo qui định của Hợp đồng.

11.2. Lãi và phí phải thu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Dự thu lãi các chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	133.834	5.354
Dự thu lãi tiền gửi tại các TCTD	116.271	10.572
Dự thu lãi cho vay khách hàng	36.824	4.392
Phí phải thu	56	-
	<u>286.985</u>	<u>20.318</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

11.3. Tài sản có khác

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Chi phí trả trước và chờ phân bổ	17.363	2.060
Vật liệu	269	175
Tài sản có khác	391	9
	<u>18.023</u>	<u>2.244</u>

12. CÁC KHOẢN NỢ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá	<u>217.172</u>	<u>22.966</u>

Các khoản vay tại NHNN là các khoản vay ngắn hạn dưới dạng chiết khấu các chứng từ có giá. Những khoản vay này có kỳ hạn dưới 365 ngày và chịu lãi suất từ 4,50% đến 8,00%/năm. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007, trái phiếu Chính phủ với tổng mệnh giá 231.404 triệu đồng đã được cầm cố tại NHNN cho các khoản vay này.

13. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Tiền gửi không kỳ hạn của các TCTD khác	6	-
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay của các TCTD khác	6.773.726	297.686
Vay chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá	495.255	-
	<u>7.268.987</u>	<u>297.686</u>

Chi tiết tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác như sau:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

13. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC (tiếp theo)

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
<i>Tiền gửi CKH và CV của các TCTD có kỳ hạn dưới ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	1.770.000	242.967
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	188.050	24.719
	<hr/>	<hr/>
	1.958.050	267.686
<i>Tiền gửi CKH và CV của các TCTD có kỳ hạn trên ba tháng</i>		
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng VNĐ	4.685.000	30.000
Tiền gửi CKH của các TCTD trong nước bằng ngoại tệ	130.676	-
	<hr/>	<hr/>
	4.815.676	30.000
	<hr/>	<hr/>
	6.773.726	297.686

Mức lãi suất tiền gửi trung bình của các TCTD vào ngày 31 tháng 12 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
	<i>lãi suất</i>	<i>lãi suất</i>
	<i>(%/năm)</i>	<i>(%/năm)</i>
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD trong nước bằng VNĐ	8,31%	7,80%
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD trong nước bằng NT	5,14%	5,40%
Vay các TCTD trong nước bằng VNĐ	7,00%	-

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

14. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

14.1. Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>
		<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
<i>Tiền gửi không kỳ hạn</i>		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2.375.356	662.356
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	13.342	12.062
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	92.343	2.228
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	2.043	1.634
<i>Tiền gửi có kỳ hạn</i>		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	3.134.556	682.312
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng VNĐ	913.167	156.292
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	190.738	28.005
<i>Tiền ký quỹ</i>		
Tiền gửi ký quỹ bằng VNĐ	30.809	2.832
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	23.925	-
<i>Tiền gửi chuyên dùng</i>		
Tiền gửi chuyên dùng bằng ĐVN	-	646
Tiền gửi chuyên dùng bằng ngoại tệ	-	2.792
	6.776.279	1.551.159

Mức lãi suất tiền gửi trung bình của khách hàng vào ngày 31 tháng 12 như sau:

	<i>Năm 2007</i> <i>lãi suất</i> <i>(%/năm)</i>	<i>Năm 2006</i> <i>lãi suất</i> <i>(%/năm)</i>
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40%	3,60%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,50%	1,20%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	3,00%	3,60%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1,50%	1,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	8,40%	8,28%
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn bằng ngoại tệ	5,23%	5,10%

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

14. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

14.2. Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Tiền gửi của TCKT		
<i>Doanh nghiệp quốc doanh</i>	3.466.260	816.548
<i>DN ngoài quốc doanh và các đối tượng khác</i>	1.673.578	277.539
<i>Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài</i>	236.743	204.658
	<u>5.376.581</u>	<u>1.298.745</u>
Tiền gửi của cá nhân	1.384.605	252.299
Tiền gửi của các đối tượng khác	15.093	115
	<u>6.776.279</u>	<u>1.551.159</u>

15. VỐN TÀI TRỢ, ỦY THÁC ĐẦU TƯ, CHO VAY TCTD CHỊU RỦI RO

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư từ các TC trong nước bằng VNĐ	-	4.625
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư từ các TC nước ngoài bằng VNĐ	11.164	11.566
	<u>11.164</u>	<u>16.191</u>

Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư từ các TC nước ngoài bằng VNĐ là các khoản vốn nhận tài trợ, ủy thác từ Ngân hàng Phát triển Châu Á thông qua Ngân hàng Nhà nước để tài trợ cho Dự án Tài chính Nông thôn – Giai đoạn II. Các khoản vay này có thời hạn là 12, 24, 36 và 48 tháng và chịu lãi suất là 8,28%/năm (2006: 8,28%/năm).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

16. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ THÔNG THƯỜNG

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Chứng chỉ tiền gửi (a)	198.484	-
Kỳ phiếu (b)	6.465	-
	<u>204.949</u>	<u>-</u>

(a) Chứng chỉ tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 3 tháng tới 11 tháng và có lãi suất dao động từ 5,10% tới 5,60%/năm (2006: không phát sinh).

(b) Đây là các kỳ phiếu bằng USD có kỳ hạn từ 6 đến 11 tháng và chịu lãi suất dao động từ 5,00% đến 5,20%/năm.

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Lãi và phí dự trả (Thuyết minh số 17.1)	123.127	9.498
Các khoản phải trả và công nợ khác (Thuyết minh số 17.2)	91.782	26.124
Dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng (Thuyết minh số 8)	1.091	-
	<u>216.000</u>	<u>35.622</u>

17.1 Lãi và phí dự trả

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Lãi phải trả tiền gửi bằng VNĐ	77.310	6.788
Lãi phải trả tiền gửi bằng NT	1.031	13
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng VNĐ	27.552	1.696
Lãi phải trả tiền gửi tiết kiệm bằng NT	2.312	279
Lãi phải trả cho tiền vay bằng VNĐ	12.957	703
Lãi phải trả các chứng từ có giá bằng NT	1.851	-
Lãi phải trả cho vốn tài trợ, ủy thác bằng VNĐ	21	19
Lãi phải trả cho giao dịch kỳ hạn	93	-
	<u>123.127</u>	<u>9.498</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CÔNG NỢ KHÁC (tiếp theo)

17.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

Chỉ tiêu	Năm 2007	ĐVT: Triệu đồng
		Năm 2006 (trình bày lại)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	51.752	19.253
Doanh thu chờ phân bổ	24.560	-
Phải trả nhân viên	1.404	202
Thuế GTGT phải nộp	305	4.995
Trợ cấp thôi việc	554	182
Các khoản phải trả khác	13.207	1.492
	<u>91.782</u>	<u>26.124</u>

18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	Phát sinh trong kỳ		Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT	4.995	3.360	8.050	305
Thuế thu nhập doanh nghiệp	19.253	69.017	36.518	51.752
Các loại thuế khác	-	427	427	-
Các khoản phải nộp khác và các khoản phí, lệ phí	-	2	2	-
	<u>24.248</u>	<u>72.806</u>	<u>44.997</u>	<u>52.057</u>

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% trên tổng lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

18. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

18.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm 2007</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng Năm 2006</i>
Lợi nhuận trước thuế	230.766	80.760
Cộng:		
Các khoản thuế bị truy thu và tiền phạt về vi phạm hành chính đã tính vào chi phí	510	-
Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	1.458	-
Thù lao của Hội đồng Quản trị	1.630	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.235	-
Thu nhập chịu thuế TNDN ước tính	235.599	80.760
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 28%	65.968	22.613
Thuế phải nộp thêm theo quyết toán thuế	3.049	-
Chi phí thuế TNDN trong tài chính	69.017	22.613

18.2. Thuế thu nhập hoãn lại

Không có khoản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bởi vì không có các khoản chênh lệch tạm thời nào giữa giá trị ghi sổ và giá trị cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ trên các báo cáo tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2007.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN VÀ QUỸ DỰ TRỮ

19.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Số dư đầu kỳ	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khen thưởng phúc lợi	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng	ĐVT: triệu đồng
	1.131.951	-	-	-	2.703	6.912	2.954	3.958	41.796	1.190.274	
<i>Tăng trong kỳ</i>											
Tăng vốn trong kỳ	1.168.049	115.282	-	-	-	-	-	-	(20.592)	1.262.739	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	161.749	161.749	
Tạm trích lập các quỹ dự trữ cho kỳ hiện tại	-	-	-	-	-	15.366	8.087	-	(23.453)	-	
<i>Giảm trong kỳ</i>											
Sử dụng trong kỳ	-	-	-	-	(793)	-	-	-	-	(793)	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(115.281)	-	-	-	-	-	-	(115.281)	
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	-	(19.488)	(19.488)	
Số dư cuối kỳ	2.300.000	115.282	(115.281)	1.910	22.278	11.041	3.958	140.012	2.479.200		

Ngân hàng đã trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế của năm 2007 theo qui định. Việc trích lập các quỹ khác sẽ được thực hiện sau khi có sự thông qua của các cổ đông tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN VÀ QUỸ DỰ TRỮ (tiếp theo)

19.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Trong năm 2007, vốn điều lệ của Ngân hàng đã được tăng lên, chi tiết như sau:

	<i>Quyết định số</i>	<i>triệu đồng</i>	<i>Hình thức góp vốn</i>
Tăng vốn điều lệ	863/NHNN-HCM02	1.168.049	Cổ tức năm 2006 và phát hành cổ phiếu cho cổ đông trong nước

Chi tiết phần vốn điều lệ của Ngân hàng như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>					
	<i>2007</i>			<i>2006</i>		
	<i>Tổng số</i>	<i>Vốn CP thường</i>	<i>Vốn CP ưu đãi</i>	<i>Tổng số</i>	<i>Vốn CP thường</i>	<i>Vốn CP ưu đãi</i>
Vốn điều lệ	2.300.000	2.300.000	-	1.131.951	1.131.951	-
Thặng dư vốn cổ phần	115.282	115.282	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	(115.281)	(115.281)	-	-	-	-
	<u>2.300.001</u>	<u>2.300.001</u>	<u>-</u>	<u>1.131.951</u>	<u>1.131.951</u>	<u>-</u>

Chi tiết thành phần cổ đông của Ngân hàng như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>					
	<i>2007</i>			<i>2006</i>		
	<i>Số cổ phần</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>	<i>Số cổ phần</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu</i>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	69.687.884	696.879	30,30%	32.601.230	326.012	28,80%
Công ty Cổ phần XNK Tổng hợp Hà Nội	26.883.900	268.839	11,69%	8.265.760	82.658	7,30%
Các cổ đông khác	133.428.216	1.334.282	58,01%	72.328.060	723.281	63,90%
	<u>230.000.000</u>	<u>2.300.000</u>	<u>100%</u>	<u>113.195.050</u>	<u>1.131.951</u>	<u>100%</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN VÀ QUỸ DỰ TRỮ (tiếp theo)

19.1. Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Chi tiết cổ phiếu của Ngân hàng như sau:

	2007		2006
	Số cổ phiếu (chiếc)	Giá trị triệu đồng	Số cổ phiếu (chiếc)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	230.000.000	2.300.000	9.669.505
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	230.000.000	2.415.282	9.669.505
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>230.000.000</i>	<i>2.415.282</i>	<i>9.669.505</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.421.473	115.281	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.421.473</i>	<i>115.281</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	227.578.527	2.300.001	11.319.505
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>227.578.527</i>	<i>2.300.001</i>	<i>11.319.505</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng)	10.000		100.000

Theo Quyết định số 2168/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ngày 18 tháng 9 năm 2007, Ngân hàng đã thực hiện điều chỉnh giảm mệnh giá của cổ phiếu từ 100.000 đồng xuống còn 10.000 đồng.

Trong năm 2007, Ngân hàng đã sử dụng toàn bộ nguồn thặng dư vốn cổ phần để mua lại 2.421.473 số lượng cổ phiếu đã phát hành để làm cổ phiếu quỹ từ Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình với giá mua là 47.608 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết số 260/QĐ-HQĐQT.07 của Hội đồng Quản trị ngày 14 tháng 12 năm 2007 và theo Hợp đồng mua bán số 01/HĐ.CPQ.07 ngày 27 tháng 12 năm 2007.

Ngân hàng cũng đã tăng vốn điều lệ từ 1.131.951 triệu đồng lên 2.300.000 triệu đồng trong tháng 11 năm 2007 sau khi nhận được chấp thuận của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

19. VỐN VÀ QUỸ DỰ TRỮ (tiếp theo)

19.2 Các quỹ dự trữ của Ngân hàng

Trong năm 2005, Chính phủ ban hành Nghị định số 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 về chế độ tài chính đối với các tổ chức tín dụng. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 16 tháng 12 năm 2005. Theo Nghị định 146, các ngân hàng thương mại cổ phần phải trích lập quỹ dự trữ theo tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ

Các quỹ sau đây được tính theo phần trăm lợi nhuận sau thuế sau khi đã trừ đi phần trích lập quỹ bổ sung vốn điều lệ (lợi nhuận sau thuế còn lại)

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế còn lại	Mức tối đa
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế còn lại	25% vốn điều lệ
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Theo quyết định của Hội đồng Quản trị	Không quy định
Các quỹ khác	Theo quyết định của Hội đồng Quản trị	Không quy định

Việc sử dụng các quỹ dự trữ này tuân theo Nghị định 146.

20. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

Chỉ tiêu	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006 (trình bày lại)
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	689.488	99.300
Thu nhập lãi tiền gửi	283.022	40.456
Thu lãi từ chứng khoán đầu tư	127.799	10.515
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.831	-
	<u>1.102.140</u>	<u>150.271</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Trả lãi tiền gửi	757.879	71.169
Trả lãi tiền vay	16.728	1.905
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	2.787	-
Chi phí hoạt động tín dụng khác	383	1.595
	<u>777.777</u>	<u>74.669</u>

22. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	4.827	295
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	3.890	879
Các khoản thu nhập khác	6.557	8.584
	<u>15.274</u>	<u>9.758</u>
Chi phí hoạt động dịch vụ	(9.687)	(4.644)
	<u>5.587</u>	<u>5.114</u>

23. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	26.604	2.039
Thu từ kinh doanh vàng	11	-
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	90	-
	<u>26.705</u>	<u>2.039</u>
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(23.787)	(1.794)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(403)	-
	<u>(24.190)</u>	<u>(1.794)</u>
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	<u>2.515</u>	<u>245</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

24. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(12.936)	-

25. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (MUA BÁN) CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Thu nhập từ bán chứng khoán đầu tư	102.043	212

Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tư bao gồm các giao dịch trọng yếu sau:

- Ngân hàng đã thực hiện bán 1.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình cho Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội. Ngân hàng thu lãi ròng từ giao dịch này là 69.909 triệu đồng.
- Ngân hàng bán toàn bộ 625.000 cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Việt cho Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình và Ngân hàng thu được lãi ròng từ giao dịch này là 31.750 triệu đồng.

26. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i> <i>(trình bày lại)</i>
Chi phí quản lý chung	44.537	8.046
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại, tiếp tân, khánh tiết	14.311	2.744
Chi phí công cụ lao động và dụng cụ	11.112	2.185
Chi phí vật liệu giấy tờ in	5.623	806
Chi công tác phí	3.191	814
Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	2.961	43
Chi phí thông tin liên lạc	2.697	407
Chi phí đào tạo	1.437	223
Chi phí bảo hiểm tiền gửi của khách hàng	1.022	129
Chi phí thuê khác và phí	936	43
Chi phí bảo hiểm tài sản của Ngân hàng	415	20
Chi phí thuê văn phòng	451	177
	<u>88.693</u>	<u>15.637</u>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

27. THU NHẬP CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Lợi nhuận sau thuế	161.749	58.147
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	132.709.243	5.988.363
Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (đồng), (mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng)	1.219	971

Lợi nhuận sau thuế dùng để tính thu nhập cơ bản trên cổ phiếu chưa loại trừ số tiền để trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác sẽ được trích lập trong năm theo chính sách của Ngân hàng.

28. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các khoản trên bảng cân đối kế toán sau đây:

	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Tiền và tương đương tiền tại quỹ	149.751	33.195
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	365.006	31.323
Tiền gửi thanh toán tại các TCTD	202.467	84.324
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác thời hạn dưới 90 ngày	1.701.114	709.138
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước	650.000	-
	<u>3.068.338</u>	<u>857.980</u>

29. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Thực tế phát sinh năm 2007</i>	<i>Thực tế phát sinh năm 2006</i>
<i>I. TỔNG SỐ CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN (người)</i>	1.123	309
<i>II. THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN (triệu đồng)</i>		
Tổng quỹ lương đã chi	35.598	10.115
Tiền thưởng	3.078	1.665
Tổng thu nhập (1+2)	38.676	11.780
Tiền lương bình quân tháng	2.64	2.73
Thu nhập bình quân tháng	2.87	3.18

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

30. LOẠI HÌNH VÀ GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP CỦA KHÁCH HÀNG

	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Giá trị sổ sách</i>	
	<i>2007</i>	<i>2006</i>
Bất động sản	9.544.507	1.232.215
Động sản	88.330	75.836
Chứng từ có giá	294.611	41.673
Tài sản khác	224.686	552
	<u>10.152.134</u>	<u>1.350.276</u>

31. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoài bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Ngân hàng cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Ngân hàng cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Ngân hàng ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Ngân hàng phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Ngân hàng trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Ngân hàng thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Ngân hàng đánh giá.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

31. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT ĐƯA RA (tiếp theo)

Chi tiết các khoản công nợ tiềm ẩn và cam kết vào ngày 31 tháng 12 như sau:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng</i>	
	<i>Năm 2007</i>	<i>Năm 2006</i>
Bảo lãnh thanh toán	71.004	85.231
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	100.057	82.183
Bảo lãnh dự thầu	25.299	21.231
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	282.928	286.090
Bảo lãnh khác	41.082	26.878
Cam kết khác	60.390	10.215
	<u>580.760</u>	<u>511.828</u>
Trừ ký quỹ bảo lãnh	(54.734)	(2.832)
Công nợ tiềm ẩn	<u>526.026</u>	<u>508.996</u>

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh mà Ngân hàng là một bên liên doanh;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c);
- (e) Bên liên quan là một Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết giao dịch lớn với các bên liên quan trong năm 2007 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	ĐVT: Triệu đồng	
				Số tiền
Tổng Công ty Điện lực Việt Nam ("EVN")	Cổ đông chính	Góp vốn mua cổ phần của Ngân hàng		405.000
		Tiền gửi thanh toán		24.857.714
		Tiền gửi có kỳ hạn		3.512.368
Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội ("Geleximco")	Cổ đông chính	Góp vốn mua cổ phần của Ngân hàng		223.288
		Bán cổ phần của ABS cho Geleximco		84.000
		Thu nhập bán cổ phần ABS		69.909
		Tiền gửi thanh toán		1.499.757
Công ty Cổ phần G.E.L.E.X.I.M.C.O Số 1 ("Geleximco Số 1")	Đơn vị được góp vốn	Góp vốn mua cổ phần của Geleximco Số 1		150.000
Công ty CP Chứng khoán An Bình ("ABS")	Đơn vị được góp vốn	Góp vốn mua cổ phần của ABS		46.150
		Mua cổ phiếu quỹ của Ngân hàng từ ABS		115.281
		Bán cổ phần của Công ty CP Đầu tư và Công nghệ Bách Việt cho ABS		125.000
		Thu nhập bán cổ phần Bách Việt		31.250
		Tiền gửi thanh toán		822.721
Tập đoàn Công nghệ CMC	Đơn vị được góp vốn	Góp vốn mua cổ phần của CMC		100.080
		Tiền gửi thanh toán		750.354
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình ("ABF")	Đơn vị được góp vốn	Góp vốn mua cổ phần của ABF		2.080
Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	Đặt cọc mua đất (<i>Thuyết minh số 11.1</i>)		84.000
		Tiền gửi		671.252
Ông Đào Mạnh Kháng	Thành viên BKS	Tiền gửi		300.138
Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai	Phó Tổng Giám đốc	Tiền gửi		16.973
Ông Đào Văn Hưng	Phó Chủ tịch HĐQT	Tiền gửi		5.911
Ông Dương Quang Thành	Thành viên HĐQT	Tiền gửi		301
Ông Võ Hồng Lĩnh	Thành viên BKS	Tiền gửi		268

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

32. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	ĐVT: Triệu đồng	
			Phải thu	(Phải trả)
Tổng Công ty Điện lực Việt Nam ("EVN")	Cổ đông chính	Tiền gửi thanh toán	(973.273)	
		Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 12 tháng và chịu lãi suất từ 6,60% đến 8,16%/năm	(2.450.300)	
Công ty CP XNK Tổng hợp Hà Nội ("Geleximco")	Cổ đông chính	Tiền gửi thanh toán	(156.496)	
Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long	Cổ đông chính	Tiền gửi thanh toán	(151)	
		Tiền gửi có kỳ hạn là 15 ngày và lãi suất là 8,70%/năm	(60.000)	
Công ty CP Chứng khoán An Bình ("ABS")	Đơn vị được góp vốn	Tiền gửi thanh toán	(76.266)	
Tập đoàn Công nghệ CMC	Đơn vị được góp vốn	Tiền gửi thanh toán	(740)	
Vũ Văn Tiền	Chủ Tịch HĐQT	Đặt cọc mua đất (<i>Thuyết minh số 11.1</i>)	84.000	
		Tiền gửi	(4.705)	
Đào Văn Hưng	Phó Chủ Tịch HĐQT	Tiền gửi	(159)	
Dương Quang Thành	Thành viên HĐQT	Tiền gửi	(20)	
Đào Mạnh Khang	Thành viên BKS	Tiền gửi	(17)	
Võ Hồng Lĩnh	Thành viên BKS	Tiền gửi	(9)	

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2007	Năm 2006
Các cam kết thuê hoạt động không thể hủy ngang	1.174.619	35.081
<i>Trong đó:</i>		
<i>đến hạn trong 1 năm</i>	204.330	12.249
<i>đến hạn từ 2 đến 5 năm</i>	550.758	22.832
<i>đến hạn sau 5 năm</i>	419.531	-

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY LẬP BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2007 cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong báo cáo tài chính, ngoại trừ trong tháng 1 năm 2008 Ngân hàng đã góp vốn là 10.000 triệu đồng để sở hữu 10% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Bất Động sản An Bình ("ABLand") được thành lập ngày 7 tháng 12 năm 2007.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài khoản mục và số liệu so sánh đã được phân loại lại để phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm hiện hành theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN của Ngân hàng Nhà nước ban hành ngày 18 tháng 4 năm 2007.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2006 Sau khi phân loại lại</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng Năm 2006 Theo trình bày trước đây</i>
-----------------	--------------------	---	--

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền gửi tại các TCTD khác		1.536.087	1.536.087
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng khác		-	84.324
Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng		-	1.451.763
Tiền gửi tại các TCTD khác	5	1.536.087	-
Tài sản có khác	11	46.693	46.693
Các khoản phải thu	11.1	24.131	-
Các khoản lãi, phí phải thu	11.2	20.318	20.318
Tài sản có khác	11.3	2.244	25.859
Xây dựng dở dang và tài sản cố định chưa sử dụng		-	516
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng		1.567.350	1.567.350
Tiền gửi khách hàng và các khoản phải trả khách hàng	14	1.551.159	1.567.350
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	15	16.191	-
Các khoản nợ khác		35.622	35.622
Các khoản lãi và phí phải trả	17.1	9.498	9.498
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	26.124	6.871
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		-	19.253

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2006 Sau khi phân loại lại</i>	<i>ĐVT: Triệu đồng Năm 2006 Theo trình bày trước đây</i>
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương đương	20	150.271	139.756
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	21	(74.669)	(73.096)
Lãi thuần từ đầu tư chứng khoán		-	10.515
Thu nhập hoạt động khác		39.474	45.473
Chi phí hoạt động dịch vụ	22	(4.644)	(150)
Tổng chi phí hoạt động khác	26	(26.414)	(38.480)
Chênh lệch ròng		84.018	84.018

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2007 và cho năm kết thúc cùng ngày

36. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ SO VỚI VNĐ VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	Năm 2007	Năm 2006
USD	16.114	16.051
EUR	23.411	21.016
GBP	31.784	-
CHF	14.117	-
JPY	141,61	-
SGD	10.987	-
CAD	16.228	-
AUD	13.981	-
HKD	2.035	-

Người lập:

Ông Bùi Quốc Việt
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:

Ông Nguyễn Công Cảnh
Phó Tổng Giám đốc

Người phê duyệt:



Ông Lưu Đức Khánh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2008

Mạng lưới

HÀ NỘI

ĐÀ NẴNG

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÌNH DƯƠNG

VŨNG TÀU

CẦN THƠ

HỘI SỞ / SỞ GIAO DỊCH

78 - 80 Cách Mạng Tháng 8, Phường 6, Quận 3,
Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại : (84 - 8) 9300 797 - * Fax : (84 - 8) 9300 798
Đường dây nóng: (84-8) 8365365
Website : www.abbank.vn Email : info@abbank.vn

BÌNH DƯƠNG

1. ABBANK Bình Dương
470 khu 1, Đại lộ Bình Dương,
Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
ĐT: (84-650) 872 218 * Fax: (84-650) 872 217

2. ABBANK Đồng Xoài
Đường Hùng Vương, Phường Tân Bình,
Thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
ĐT: (84-651) 886 188 * Fax: (84-651) 886 177

CẦN THƠ

3. ABBANK Long Xuyên
904B Hà Hoàng Hổ, P.Mỹ Xuyên,
Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
ĐT: (84-76) 220 500 * Fax: (84-76) 940 445

4. ABBANK An Nghiệp
162 Trần Hưng Đạo, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84-71) 732 177 * Fax: (84-71) 732 558

5. ABBANK Cần Thơ
74 - 76 Hùng Vương, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
ĐT: (84-71) 732 555 * Fax: (84-71) 732 558

6. ABBANK Kiên Giang
54 - 55 Lạc Hồng, P. Vĩnh Lạc, Tp. Rạch Giá,
tỉnh Kiên Giang
ĐT: (84-77) 3942828 * Fax: (84-77) 3942827

7. ABBANK Vĩnh Long
26 Hoàng Thái Hiếu, Phường 1, Thị xã Vĩnh Long,
tỉnh Vĩnh Long.
ĐT: (84-70) 836 735 * Fax: (84-70) 836 736

8. ABBANK Cao Lãnh
42 Đốc Binh Kiều, Phường 2, Tp. Cao Lãnh,
tỉnh Đồng Tháp
ĐT: (84-67) 220 999 * Fax: (84-67) 875 998

ĐÀ NẴNG

9. ABBANK Đà Nẵng
174 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
ĐT: (84-511) 3225 262 * Fax: (84-511) 3225 265

10. ABBANK Hùng Vương
195 Hùng Vương, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
ĐT: (84-511) 3225 696/7/9
* Fax: (84-511) 3225 698

11. ABBANK Trưng Nữ Vương
391 Trưng Nữ Vương, P. Hòa Thuận,
Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
ĐT: (84-511) 3221 555 * Fax: (84-511) 3221 556

12. ABBANK Tam Kỳ
12 Phan Châu Trinh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
ĐT: (84-510) 220666 * Fax: (84-510) 220696

13. ABBANK Thừa Thiên Huế
100 Nguyễn Huệ, Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
ĐT: (84-54) 220999 * Fax: (84-54) 220990

HÀ NỘI

14. ABBANK Đinh Tiên Hoàng
69 Đinh Tiên Hoàng, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84-4) 9262 865/67 * Fax: (84-4) 9262 870

15. ABBANK Hà Nội
101 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84-4) 5622 828 * Fax: (84-4) 5624 655

16. ABBANK Lê Trọng Tấn
30 Lê Trọng Tấn, Q. Thanh Xuân, Hà Nội
ĐT: (84-4) 5665 406 * Fax: (84-4) 5665 405

17. ABBANK Nguyễn Văn Cừ
453 Nguyễn Văn Cừ, Q. Long Biên, Hà Nội
ĐT: (84-4) 8736 040 * Fax: (84-4) 8736 042

18. ABBANK Quán Thánh
188 Quán Thánh, Q. Ba Đình, Hà Nội
ĐT: (84-4) 7152 406 * Fax: (84-4) 7152 413

19. ABBANK Phố Huế
48 - 50 Phố Huế, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: (84- 4) 9447150 * Fax: (84-4) 9447152

20. ABBANK Tôn Đức Thắng
141 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84-4) 5132 190 * Fax: (84-4) 5132 218

21. ABBANK Trần Đăng Ninh
109 Trần Đăng Ninh, Q. Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (84-4) 7930 436 * Fax: (84-4) 7930 457

22. ABBANK Trần Khát Chân
288 Trần Khát Chân, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: (84-4) 9724 814 * Fax: (84-4) 9724 815

23. ABBANK Bắc Ninh
Số 10 Nguyễn Đăng Đạo, P. Tiền An, Tp Bắc Ninh
ĐT: (84-241) 893 068 * Fax: (84-241) 893 100

24. ABBANK Thái Nguyên
140 Đường Hoàng Văn Thụ, P. Hoàng Văn Thụ,
Tp. Thái Nguyên
ĐT: (84-280) 656655 * Fax: (84-280) 656590

25. ABBANK Mỹ Hào
Số 12 Phố Nối, Thị Trấn Bần Yên Nhân,
Huyện Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên
ĐT: (84-321) 742004 * Fax: (84-321) 742005

26. ABBANK Hà Đông
Số 1 Trần Phú, Phường Vân Mỗ, Tp. Hà Đông
ĐT: (84-343) 545757 * Fax: (84-343) 545017

27. Trung tâm thanh toán quốc tế ABBANK
101 Láng Hạ - Q. Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84-4) 5622 828 * Fax: (84-4) 5624 655

28. Trung tâm thẻ ABBANK
63 Láng Hạ, Q. Đống Đa, Hà Nội
ĐT: (84-4) 5145 346 * Fax: (84-4) 5145 347

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

29. ABBANK Bình Tân
472 Kinh Dương Vương, Q. Bình Tân ,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT/ Fax: (84-8) 7522052

30. ABBANK Cộng Hoà
102 Cộng Hoà, Phường 4, Q. Tân Bình,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT/ Fax: (84-8) 8117853

31. ABBANK Dân Chủ
115 Dân Chủ, P. Bình Thới, Q. Thủ Đức,
Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: (84-8) 7225 412 * Fax: (84-8) 7225417

32. ABBANK ĐaKao
47 Điện Biên Phủ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: (84-8) 9100780 * Fax: (84-8) 9100786

33. ABBANK Hậu Giang
243 Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 9603141 * Fax: (84-8) 9603184

34. ABBANK Huỳnh Văn Bánh
224B Huỳnh Văn Bánh, Phường 11, Q. Phú Nhuận,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT/ Fax: (84-8) 9973273

35. ABBANK Khánh Hội
386-388 Hoàng Diệu, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh
ĐT/ Fax: (84-8) 9430 530

36. ABBANK Kỳ Hòa
65 - 65A Đường 3 tháng 2, Phường 11, Quận 10,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 9292 747 * Fax: (84-8) 9292748

37. ABBANK Lạc Long Quân
349A Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 9750515 * Fax: (84-8) 9750514

38. ABBANK Lê Quang Định
428 Lê Quang Định, Phường 11, Q. Bình Thạnh,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 5158575 * Fax: (84-8) 5158570

39. ABBANK Lê Văn Sỹ
78 Lê Văn Sỹ, Phường 11, Q. Phú Nhuận,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT/ Fax: (84-8) 8445 175

40. ABBANK Lê Văn Việt
221 Lê Văn Việt, P. Hiệp Phú, Quận 9,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 7360630 * Fax: (84-8) 7360629

41. ABBANK Nguyễn Công Trứ
194 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 8217642 * Fax: (84-8) 8217346

42. ABBANK Nguyễn Tri Phương
136H Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 8300540 * Fax: (84-8) 8300541

43. ABBANK Phan Đăng Lưu
168A Phan Đăng Lưu, Phường 3, Q. Phú Nhuận,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 9956390 * Fax: (08-8) 9956381

44. ABBANK Phú Mỹ Hưng
1441 Mỹ Toàn 2, Nguyễn Văn Linh, P. Tân Phong,
Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: (84-8) 4121944 * Fax: (84-8) 4121 947

45. ABBANK Quang Trung
1C – A3 Quang Trung, Phường 3, Q. Gò Vấp,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 9897241 * Fax: (84-8) 9897242

46. ABBANK Tân Phú
22 Trương Vĩnh Ký, P. Tân Thành, Q. Tân Phú,
Tp. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 8123400 * Fax: (84-8) 8123404

47. ABBANK Trần Hưng Đạo
855 Trần Hưng Đạo, Phường 1, Quận 5,
Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: (84-8) 9240500 * Fax: (84-8) 9240503

48. ABBANK Trường Chinh
22/15 Trường Chinh, P. Tân Thới Nhất, Quận 12,
Tp. Hồ Chí Minh.
ĐT: (84-8) 2560550 * Fax: (84-8) 2560051

49. ABBANK Long An
123-125-127 Hùng Vương, Phường 2, TX.
Tân An, tỉnh Long An
ĐT: (83-71) 524334 * Fax: (84-72) 524335

50. ABBANK Tây Ninh
A3 – A4 Trung tâm thương mại, Đại lộ 30 tháng 4,
Phường 3, TX Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh
ĐT: (84-66) 818699 * Fax: (84-66) 818698

51. ABBANK Tân Tiến
312-314 Quốc lộ 1, P. Tân Tiến, Tp. Biên Hòa
ĐT: (84-613) 220 226 * Fax: (84-613) 220224

VŨNG TÀU

52. ABBANK Vũng Tàu
8 Hoàng Diệu, Tp. Vũng Tàu
ĐT: (84-64) 512480 * Fax: (84-64) 512481

53. ABBANK Phan Thiết
384 Trần Hưng Đạo, P. Lạc Đạo, Tp. Phan Thiết,
tỉnh Bình Thuận
ĐT: (84-62) 722122 * Fax: (84-62) 722121